

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>170.453.997.331</b>	<b>193.806.285.741</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>26.725.643.213</b>	<b>29.277.857.486</b>
1. Tiền	111		26.725.643.213	25.277.857.486
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>15.000.000.000</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		15.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>96.339.163.961</b>	<b>120.302.801.759</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	51.005.471.927	29.195.302.494
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	6.659.545.208	2.899.129.972
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4a	38.000.000.000	85.434.885.472
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	2.183.376.158	3.881.187.423
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.509.229.332)	(1.107.703.602)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>29.287.149.010</b>	<b>42.967.184.583</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	30.304.035.272	44.153.441.244
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(1.016.886.262)	(1.186.256.661)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.102.041.147</b>	<b>1.258.441.913</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.442.732.333	1.034.322.829
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	659.308.814	224.119.084
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>216.232.657.497</b>	<b>121.934.615.823</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>99.210.000.000</b>	<b>14.210.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4b	99.000.000.000	14.000.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	210.000.000	210.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>81.292.703.344</b>	<b>81.580.253.261</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	80.744.668.051	80.946.765.261
- Nguyên giá	222		161.304.853.736	151.420.941.680
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(80.560.185.685)	(70.474.176.419)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	548.035.293	633.488.000
- Nguyên giá	228		1.856.034.720	1.624.120.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.307.999.427)	(990.632.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>21.426.025.605</b>	<b>11.365.754.050</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	21.426.025.605	11.365.754.050
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		10.000.000.000	10.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.303.928.548</b>	<b>4.778.608.512</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	4.303.928.548	4.778.608.512
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>386.686.654.828</b>	<b>315.740.901.564</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>131.299.801.967</b>	<b>166.995.108.525</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>66.412.381.967</b>	<b>88.139.648.525</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	13.126.346.293	14.284.771.882
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	24.849.281.188	10.869.964.001
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	4.478.346.989	2.307.269.068
4. Phải trả người lao động	314	V.16	11.155.752.457	10.648.684.007
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	9.543.740.205	4.629.930.725
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	1.857.138.777	1.535.903.240
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a, c	1.277.410.608	43.738.760.152
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	124.365.450	124.365.450
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>64.887.420.000</b>	<b>78.855.460.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b, c	64.887.420.000	78.855.460.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>255.386.852.861</b>	<b>148.745.793.039</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>255.386.852.861</b>	<b>148.745.793.039</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	196.000.000.000	98.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		196.000.000.000	98.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	24.811.850.000	25.160.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	9.474.344.616	9.474.344.616
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	25.100.658.245	16.111.448.423
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.359.734.516	611.883.776
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		14.740.923.729	15.499.564.647
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>386.686.654.828</b>	<b>315.740.901.564</b>



Thiều Thị Cẩm Tú  
Kế toán trưởng/Người lập



TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Nguyễn Khánh Linh  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ IV-2025**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này Năm nay	Quý này Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	88.361.968.720	67.178.999.306	273.961.313.540	202.610.848.579
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	7.385.582.540	4.816.816.309	26.169.400.493	15.943.687.262
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		80.976.386.180	62.362.182.997	247.791.913.047	186.667.161.317
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	45.468.861.294	46.015.244.693	156.666.914.730	128.976.391.586
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.507.524.886	16.346.938.304	91.124.998.317	57.690.769.731
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	4.120.122.097	3.249.853.136	15.611.712.833	13.825.614.872
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	2.179.976.918	3.831.699.872	12.896.544.518	14.794.773.356
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.349.716.918	2.369.709.332	10.859.319.518	11.354.886.887
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	23.932.321.841	6.668.152.775	45.503.331.395	16.966.780.638
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	9.496.129.986	7.728.895.167	29.817.744.459	27.300.791.863
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.019.218.238	1.368.043.626	18.519.090.778	2.454.038.746
11. Thu nhập khác	31	VI.8	278.826.758	59.008.583	157.514.656	6.711.376.173
12. Chi phí khác	32	VI.9	15.016.362	469.048	333.934.363	512.564.091
13. Lợi nhuận khác	40		263.810.396	59.139.535	176.419.707	5.598.812.082
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.283.028.634	1.427.183.161	18.342.671.071	18.052.850.828
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	1.978.285.895	- 255.287.852	3.601.747.342	2.553.286.181
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.304.742.739	1.682.471.013	14.740.923.729	15.499.564.647
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10				
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10				

Thiều Thị Cẩm Tú  
Kế toán trưởng/Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN  
BÔNG BẠCH TUYẾTNguyễn Khánh Linh  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**DN- LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ QUÝ IV-2025 PPGT - MỆ**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17.593.339.000	18.052.850.828
2. Điều chỉnh cho các khoản:			-	-
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10	12.456.844.448	10.740.326.524
- Các khoản dự phòng	03	V.6, 7	232.155.331	2.167.552.531
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	-	2.769.960.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	-	(13.820.574.872)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	-	11.354.886.887
- Các khoản điều chỉnh khác	07		912.871.620	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		31.195.210.399	31.265.001.898
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(20.810.169.433)	(3.825.503.832)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		13.849.405.972	(7.056.026.330)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		841.574.411	(3.575.739.169)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.408.409.504)	610.325.913
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.17, VI.5	-	(13.045.868.643)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	-	(2.072.607.645)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		569.997.610	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>24.237.609.455</b>	<b>2.299.582.192</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.3, 9, 11, 13	(12.948.889.979)	(23.369.775.738)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.140.818.180	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(217.500.000.000)	(56.944.572.673)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		150.285.424.851	80.973.150.224
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.4	16.507.458.692	14.833.357.619
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(62.515.188.256)</b>	<b>15.492.159.432</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã chi tiêu</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		98.000.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(1.100.000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19a, b	128.392.667.205	143.813.812.450
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19a, b	(185.844.322.702)	(139.172.733.063)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.821.879.975)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>35.725.364.528</b>	<b>4.641.079.387</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(2.552.214.273)</b>	<b>22.432.821.011</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>29.277.857.486</b>	<b>6.845.036.475</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>26.725.643.213</b>	<b>29.277.857.486</b>

Thiều Thị Cẩm Tú  
Kế toán trưởng/Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Nguyễn Khánh Linh  
Tổng Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất và kinh doanh các loại bông y tế, băng vệ sinh phụ nữ và các sản phẩm khác từ bông băng; sản xuất khẩu trang, khẩu trang sử dụng một lần và khẩu trang y tế.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

II. Trong năm, Công ty chuyển đổi hình thức kinh doanh từ mô hình hợp tác bán hàng thông qua các kênh phân phối truyền thống là chủ yếu sang bán hàng trực tuyến thông qua các sàn thương mại điện tử (thực hiện thông qua Công ty con là Công ty TNHH Bạch Tuyết Kotton).

### 1. Cấu trúc Công ty

#### Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Bạch Tuyết Kotton có trụ sở chính tại số 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là buôn bán các loại băng, gạc y tế, trang thiết bị y tế, các loại bông y tế, dược phẩm, dụng cụ y tế, khẩu trang y tế, xà phòng, chất tẩy rửa, chất làm bóng và các chế phẩm vệ sinh. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

#### Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy sản xuất – Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	B52-B54/1 đường 2E, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh
Văn phòng đại diện – Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	Số 110, Đường Hai Bà Trưng, Khu phố 3, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

### 2. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

### 3. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 305 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 279 nhân viên).

### NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 4. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 5. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

##### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### 4. Các khoản đầu tư tài chính

###### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

##### *Khoản đầu tư vào công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

##### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

##### **Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là tiền thuê đất, chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Tiền thuê đất*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

##### *Chi phí công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 92 tháng.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 54 tháng.

#### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 50
Máy móc và thiết bị	02 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	01 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	01 - 05

#### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

715

NG T  
PHÁ  
ACH

5 HỒ

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **10. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 01 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **11. Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### Các khoản giảm trừ doanh thu

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, hàng bán trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

### **13. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **14. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	172.530.007	388.695.653
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.553.113.206	24.889.161.833
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng		4.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>26.725.643.213</b>	<b>29.277.857.486</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh (là bên liên quan)	6.868.357	11.396.945
Công ty TNHH Thiết bị Y tế EMC	1.889.564.836	1.616.435.628
Công ty Cổ phần Brian Việt Nam	5.170.418.303	4.917.350.156
Cửa hàng Trang thiết bị Y tế Tuyết Trang	335.341.316	3.294.186.376
Nợ phải thu không rõ đối tượng <sup>(i)</sup>	-	-
Các khách hàng khác <sup>(i)</sup>	43.603.279.115	19.355.933.389
<b>Cộng</b>	<b>51.005.471.927</b>	<b>29.195.302.494</b>

<sup>(i)</sup> Khoản nợ phải thu không rõ đối tượng và một số khoản nợ phải thu khách hàng khác đã được Công ty xóa nợ theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 11/2024/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 9 năm 2024 do đã trích dự phòng 100% nhưng sau hơn 03 năm từ thời điểm trích lập dự phòng không thu hồi được (xem thuyết minh số V.6).

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Vật tư và Trang thiết bị Y tế Hạnh Phú	123.988.752	323.091.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Phúc Lộc	-	-
Fine Exports	42.900.513	2.104.956.000
Các nhà cung cấp khác	6.492.655.943	471.082.972
<b>Cộng</b>	<b>6.659.545.208</b>	<b>2.899.129.972</b>

Trong đó, khoản trả trước cho người bán liên quan đến mua sắm tài sản cố định là 2.428.047.000 VND (số đầu năm là 5.194.430.194 VND).

**4. Phải thu về cho vay****4a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	-	74.000.000.000
Công ty Cổ phần May da Sài Gòn, lãi suất 13%/năm, thời hạn 12 tháng	-	74.000.000.000
<i>Cho các tổ chức và cá nhân khác vay</i>	<b>38.000.000.000</b>	<b>11.434.885.472</b>
Cho công ty TNHH Venus HCMC với lãi suất 12,5%/năm, thời hạn 12 tháng	15.000.000.000	-
Cho Ông Phạm Hoàng Minh Vương vay	-	7.569.419.293
Cho Bà Phạm Ly Ly vay	-	3.865.466.179
Cho Bà Phạm Thị Hồng vay	8.000.000.000	-
Cho công ty TNHH Việt Tín Phước vay	15.000.000.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cộng	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	38.000.000.000		85.434.885.472	

**4b. Phải thu về cho vay dài hạn**

Cho Công ty TNHH Venus HCMC vay không tài sản đảm bảo với lãi suất 12,5%/năm, thời hạn 24 tháng từ ngày 25 tháng 4 năm 2024 đến ngày 25 tháng 4 năm 2026.

**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>2.646.190.136</b>	-	<b>2.646.190.136</b>	-
Công ty Cổ phần May da Sài Gòn - Lãi cho vay phải thu	-	-	2.526.630.137	-
Công Ty TNHH Bạch Tuyết Kotton - Chi phí hỗ trợ	-	-	119.559.999	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>2.183.376.158</b>	-	<b>1.234.997.287</b>	-
Tiền lãi cho vay	941.095.892	-	361.555.448	-
Tạm ứng	541.516.941	-	355.568.278	-
Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	68.310.441	-	207.828.637	-
Các khoản tạm ứng, phải thu khác	120.670.197	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	511.782.687	-	310.044.924	-
<b>Cộng</b>	<b>2.183.376.158</b>	-	<b>3.881.187.423</b>	-

**5b. Phải thu dài hạn khác**

Khoản ký quỹ thuê kho dài hạn.

**6. Nợ xấu**

Công ty có các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán như sau:

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần May da Sài Gòn (là bên liên quan) – tiền gốc cho vay	Từ 06 tháng đến dưới 1 năm	99.000.000.000	99.000.000.000		74.000.000.000	74.000.000.000
Các khoản tạm ứng, phải thu khác không rõ đối tượng		-	-	Trên 3 năm	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần May da Sài Gòn (là bên liên quan) – tiền gốc cho vay	Từ 06 tháng đến dưới 1 năm	99.000.000.000	99.000.000.000		74.000.000.000	74.000.000.000
Phải thu khách hàng không rõ đối tượng		-	-	Trên 3 năm	-	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác		11.238.487.668	9.729.258.336		2.267.893.160	1.160.189.558
	Trên 3 năm	238.224.882	24.881.917		331.786.434	-
	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	750.330.368	180.212.388		42.152.442	12.645.733
	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.263.068.502	1.191.205.704		891.120.866	445.560.433
	Từ 06 tháng đến dưới 1 năm	8.986.863.916	8.332.958.328		1.002.833.418	701.983.393
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		-	-		320.270.603	123.889.572
		-	-	Trên 3 năm	189.874.563	32.612.344
		-	-	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	130.396.040	91.277.228
<b>Cộng</b>		<b>110.238.487.668</b>	<b>108.729.258.336</b>		<b>76.267.893.160</b>	<b>75.160.189.558</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.107.703.602	3.531.356.435
Trích lập dự phòng bổ sung	948.228.227	1.073.918.555
Xóa nợ <sup>(i)</sup>	(546.702.497)	(3.497.571.388)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.509.229.332</b>	<b>1.107.703.602</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	19.571.899.099	18.962.836	34.292.204.541	(327.125.893)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	630.699.170	-	815.975.287	-
Thành phẩm	9.314.713.802	(1.035.849.098)	9.026.941.416	(859.130.768)
Hàng hóa	786.723.201	-	18.320.000	-
<b>Cộng</b>	<b>30.304.035.272</b>	<b>(1.016.886.262)</b>	<b>44.153.441.244</b>	<b>(1.186.256.661)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	- 1.186.256.661	92.622.685
Trích lập dự phòng bổ sung	169.370.399	1.093.633.976
<b>Số cuối năm</b>	<b>- 1.016.886.262</b>	<b>1.186.256.661</b>

**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ		285.869.327
Chi phí bảo hiểm	228.981.719	6.916.966
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	2.213.750.614	741.536.536
<b>Cộng</b>	<b>2.442.732.333</b>	<b>1.034.322.829</b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất <sup>(i)</sup>		3.455.513.131
Chi phí công cụ, dụng cụ	848.415.421	514.987.824
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	3.455.513.127	808.107.557
<b>Cộng</b>	<b>4.303.928.548</b>	<b>4.778.608.512</b>

(i) Tiền thuê đất trả trước của các lô đất B52-53-54/I đường 2E, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.19a).

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	45.686.762.232	96.627.111.314	7.450.552.330	1.253.718.103	402.797.701	151.420.941.680
Mua trong năm	1.880.773.200	10.922.116.779				12.802.889.979
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-					-
<b>Số cuối năm</b>	<b>47.567.535.432</b>	<b>104.806.304.130</b>	<b>7.450.552.330</b>	<b>1.077.664.143</b>	<b>402.797.701</b>	<b>161.304.853.736</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5.083.685.821	19.986.251.886	1.635.467.617	1.037.477.191	402.797.701	28.145.680.216
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>	21.787.270.015	42.914.107.872	4.296.253.260	1.073.747.571	402.797.701	70.474.176.419
Số đầu năm	2.769.924.589	8.618.457.456	717.241.257	30.648.039	3.205.680	12.139.477.021
Khấu hao trong năm		1.877.413.795		176.053.960		2.053.467.755
<b>Số cuối năm</b>	<b>24.557.194.604</b>	<b>49.655.151.533</b>	<b>5.013.494.517</b>	<b>928.341.650</b>	<b>406.003.381</b>	<b>80.560.185.685</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	23.899.492.217	53.713.003.442	3.154.299.070	179.970.532	-	80.946.765.261
<b>Số cuối năm</b>	<b>23.010.340.828</b>	<b>55.151.152.597</b>	<b>2.437.057.813</b>	<b>149.322.493</b>	<b>(3.205.680)</b>	<b>80.744.668.051</b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Dang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số nhà xưởng, máy móc, thiết bị có giá trị còn lại theo sổ sách là 67.312.914.350 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Trảng Bom Bắc Đồng Nai và Financing for Healthier Lives, DAC (xem các thuyết minh số V.19a và V.19b).

**10. Tài sản cố định vô hình**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Chương trình phần mềm máy tính</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	1.624.120.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.624.120.000</b>
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	40.400.000
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	673.888.000
Khấu hao trong năm	316.744.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>990.632.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	950.232.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>633.488.000</b>
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời không sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí mua sắm tài sản cố định. Chi tiết phát sinh như sau:

	<b>Năm trước</b>	<b>Năm nay</b>
Số đầu năm	-	-
Chi phí phát sinh trong năm	6.806.092.681	19.443.087.091
Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	(3.382.008.819)	(9.382.815.536)
Kết chuyển vào công cụ dụng cụ	(36.804.000)	(36.804.000)
	<b>3.387.279.862</b>	<b>21.426.025.605</b>
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.387.279.862</b>	<b>21.426.025.605</b>

**12. Đầu tư góp vốn vào Công ty con**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316867776 ngày 20 tháng 5 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Bạch Tuyết Kotton 10.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

*Giá trị hợp lý*

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

*Tình hình hoạt động của công ty con*

Công ty TNHH Bạch Tuyết Kotton đang hoạt động bình thường. Trong năm 2025 Công ty đẩy mạnh bán hàng trên các sàn thương mại điện tử nên doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng mạnh.

*Giao dịch với công ty con*

Các giao dịch phát sinh với Công ty TNHH Bạch Tuyết Kotton như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu bán hàng	36.110.539.101	52.282.829.536
Doanh thu hỗ trợ giao hàng, lưu kho	-	394.265.791
Chiết khấu thương mại	-	-
Hàng bán bị trả lại	4.613.406.990	375.104.519
Mua hàng hóa	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí hỗ trợ bán hàng	-	-
Phí nhận hỗ trợ nhân viên thị trường		1.190.438.212

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu Như Tuệ	-	-
Công ty TNHH Turkish Asia Tex	-	-
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu Hỷ Lạc Textile	-	3.843.454.020
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu Như Mẫn		3.173.151.506
Các nhà cung cấp khác	6.659.545.208	7.268.166.356
<b>Cộng</b>	<b>6.659.545.208</b>	<b>14.284.771.882</b>

Trong đó, số dư khoản phải trả người bán liên quan đến mua sắm tài sản cố định là 637.041.709 VND (số đầu năm là 2.245.943.336 VND). Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Bạch Tuyết Kotton (là bên liên quan)	14.328.320.303	1.014.119.512
Công ty TNHH Địa ốc Tân Phú	9.000.000.000	9.000.000.000
Các khách hàng khác	1.520.960.885	855.844.489
<b>Cộng</b>	<b>24.849.281.188</b>	<b>10.869.964.001</b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	726.791.346	-	16.953.185.162	16.829.549.070	850.427.438	
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	933.793.579	933.793.579		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.553.286.181	-	2.471.079.625	2.400.904.359	1.623.461.447	
Thuế thu nhập cá nhân	-	224.119.084	1.189.675.744	1.362.451.610		396.894.950
Tiền thuê đất	-	-	3.308.106.028	3.570.519.892		262.413.864
Các loại thuế khác	-	-	923.295.581	923.295.580		
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	27.191.541	-	308.638.414	309.657.747	26.172.208	
<b>Cộng</b>	<b>2.307.269.068</b>	<b>224.119.084</b>	<b>26.087.774.133</b>	<b>26.330.171.837</b>	<b>2.500.061.094</b>	<b>659.308.814</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Bông, băng, gạc y tế và khẩu trang y tế	:	5%
- Bông tẩy trang, tấm bông, hàng hóa tiêu thụ trong nước khác	:	10%

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Từ tháng ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với các hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 và Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 và Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội.

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.342.671.071	18.052.850.828
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(669.868.726)	(5.286.419.922)
Thu nhập chịu thuế	17.672.802.345	12.766.430.906
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	12.766.430.906	12.766.430.906
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>3.534.560.469</b>	<b>2.553.286.181</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 16. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả cho người lao động.

#### 17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	1.625.671.384	1.401.424.754
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	7.918.068.821	3.228.505.971
<b>Cộng</b>	<b>7.918.068.821</b>	<b>4.629.930.725</b>

#### 18. Phải trả khác

##### 18a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
Thủ lao phải trả các thành viên chủ chốt	-	-
Công ty TNHH Bạch Tuyết Kotton – phải trả khác	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.857.138.777</b>	<b>1.535.903.240</b>
Kinh phí công đoàn	219.370.886	205.726.286
Công ty Cổ phần Đầu tư Mandara – nhận đặt cọc bảo đảm thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải trả khác không rõ đối tượng tồn đọng từ nhiều năm <sup>(1)</sup>	-	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	332.169.591	330.176.954
<b>Cộng</b>	<b>1.857.138.777</b>	<b>1.535.903.240</b>

**18b. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Mandara – tiền đặt cọc bảo đảm thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản phải trả không rõ đối tượng tồn đọng từ nhiều năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>

**19. Vay****19a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(1)</sup>		39.738.760.152
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	1.277.410.608	4.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.277.410.608</b>	<b>43.738.760.152</b>

<sup>(1)</sup> Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh với lãi suất quy định theo từng Giấy nhận nợ, thời hạn vay tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất B52-53-54/1 đường 2E, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.8b) và một số tài sản cố định hữu hình thuộc quyền sở hữu của Công ty (xem thuyết minh số V.9).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
<b>Năm nay</b>					
Vay ngắn hạn ngân hàng	39.738.760.152	(166.854.016.749)	-	127.115.256.597	
Vay dài hạn đến hạn trả	4.000.000.000	(20.000.000.000)	16.000.000.000	1.277.410.608	1.277.410.608
<b>Cộng</b>	<b>43.738.760.152</b>	<b>(186.854.016.749)</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>128.392.667.205</b>	<b>1.277.410.608</b>
<b>Năm trước</b>					
Vay ngắn hạn ngân hàng	29.247.894.316	63.362.393.252		(74.150.106.803)	18.460.180.765
Vay dài hạn đến hạn trả	23.448.000.000		23.448.000.000	(11.880.000.000)	23.448.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
<i>Năm nay</i>					
<b>Cộng</b>	<b>41.127.894.316</b>	<b>63.362.393.252</b>	<b>23.448.000.000</b>	<b>(86.030.106.803)</b>	<b>41.908.180.765</b>

**19b. Vay dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Trảng Bom Bắc Đồng Nai <sup>(i)</sup>	16.000.000.000	
Vay Financing for Healthier Lives, DAC <sup>(ii)</sup>	62.855.460.000	64.887.420.000
<b>Cộng</b>	<b>78.855.460.000</b>	<b>64.887.420.000</b>

(i)

(ii)

Khoản vay Financing for Healthier Lives, DAC để đáp ứng nhu cầu của đơn vị liên quan đến các sản phẩm và dịch vụ y tế theo phương án kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, với lãi suất hàng năm là LIBOR 6 tháng tính theo Đô la Mỹ cộng với 5,8%/năm, thời hạn vay 05 năm. Số tiền vay được hoàn trả theo lịch thanh toán cụ thể, thanh toán lần đầu vào ngày 15 tháng 9 năm 2023. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ quyền, quyền sở hữu và lợi ích của Công ty với các tài sản dưới đây cho dù đang hoặc sẽ thuộc quyền sở hữu và tồn tại của Công ty với giá trị mua trước thuế được ghi nhận tại Hợp đồng và thực tế thanh toán có giá trị tính bằng tiền VND tương đương 2,500,000.00 USD theo tỷ giá ngày tại giải ngân:

- Toàn bộ tài sản mua mới và các quyền, sở hữu, lợi ích với tài sản mua mới;
- Tất cả quyền, quyền sở hữu và lợi ích liên quan Hợp đồng mua tài sản;
- Khoản trả trước;
- Tất cả tài sản bổ sung hàng năm và tất cả các quyền, sở hữu, lợi ích với các tài sản bổ sung hàng năm;
- Tất cả quyền, lợi ích, khoản bồi thường và thanh toán khác nhận được hoặc phải trả thay cho, hoặc gắn liền với, hoặc liên quan đến, và tất cả tài sản thuộc mọi bản chất và mô tả được đưa ra trao đổi, thay thế hoặc thay cho bất kỳ, các quyền và tài sản trên.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, khoản vay của Công ty đã được đảm bảo bởi:

- Một số máy móc, thiết bị tại Nhà máy sản xuất B52-B54/I đường 2E, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (xem thuyết minh số V.9).
- Bảo lãnh thanh toán từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group và Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital (xem thuyết minh số VII.1b).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống		4.000.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	64.887.420.000	78.855.460.000
<b>Cộng</b>	<b>64.887.420.000</b>	<b>82.855.460.000</b>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Tăng do đánh giá CLTG	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay ngắn hạn	Số cuối năm
<i>Năm nay</i>						
Vay dài hạn	16.000.000.000					

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Tăng do đánh giá CLTG	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay ngắn hạn (16.000.000.000)	Số cuối năm
	ngân hàng					
Vay dài hạn tổ chức khác	62.855.460.000		2.031.960.000			64.887.420.000
<b>Cộng</b>	<b>62.855.460.000</b>		<b>2.031.960.000</b>			<b>64.887.420.000</b>
<i>Năm trước</i>						
Vay dài hạn tổ chức khác	106.920.000.000	-	2.633.400.000	(12.830.400.000)	(23.448.000.000)	73.275.000.000
<b>Cộng</b>	<b>106.920.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.633.400.000</b>	<b>(12.830.400.000)</b>	<b>(23.448.000.000)</b>	<b>73.275.000.000</b>

**19c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**20. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho người lao động.

**21. Vốn chủ sở hữu****21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	98.000.000.000	25.160.000.000	9.474.344.616	611.883.776	126.119.242.624
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(15.499.564.647)	7.126.985.768
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>98.000.000.000</b>	<b>25.160.000.000</b>	<b>9.474.344.616</b>	<b>(14.887.680.871)</b>	<b>133.246.228.392</b>
Số dư đầu năm nay	98.000.000.000	25.160.000.000	9.474.344.616	16.111.448.423	133.246.228.392
Lợi nhuận trong năm nay		(348.150.000)		10.967.495.717	148.745.793.039
Phát hành thêm	98.000.000.000	-	-	-	
	<b>196.000.000.000</b>	<b>24.811.850.000</b>		<b>27.078.944.140</b>	<b>257.365.138.756</b>
<b>Số dư cuối năm nay</b>			<b>9.474.344.616</b>		

**21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	39.892.790.000	39.892.790.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	9.338.000.000	9.338.000.000
Các cổ đông khác	146.769.210.000	48.769.210.000
<b>Cộng</b>	<b>196.000.000.000</b>	<b>98.000.000.000</b>

**21c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.800.000	9.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.800.000	9.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.800.000	9.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.600.000	9.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.600.000	9.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản tạm ứng, phải thu khác không rõ đối tượng		2.200.718.672
Phải thu khách hàng không rõ đối tượng		1.134.256.732
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		162.595.984
<b>Cộng</b>		<b>3.497.571.388</b>

Các khoản công nợ trên được xử lý xóa sổ do không có khả năng thu hồi.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	273.733.709.509	202.375.567.048
Doanh thu cung cấp dịch vụ	227.604.031	235.281.531
<b>Cộng</b>	<b>273.961.313.540</b>	<b>202.610.848.579</b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.12, Công ty phát

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3	231.126.094	164.927.144
Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh	6.743.600	
Công Ty TNHH Sài Gòn 3 Jean	1.571.450	
<b>Cộng</b>	<b>239.441.144</b>	<b>164.927.144</b>

**Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	18.847.157.615	14.485.539.746
Hàng bán bị trả lại	7.322.242.878	1.458.147.516
<b>Cộng</b>	<b>26.169.400.493</b>	<b>15.943.687.262</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	156.666.914.730	127.882.757.610
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		1.093.633.976

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Cộng</b>	<b>156.666.914.730</b>	<b>128.976.391.586</b>
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	100.304.455	20.024.572
Lãi cho vay	15.511.408.378	13.800.550.300
Lãi tiền bán chứng khoán	-	-
Cổ tức được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	5.040.000
Doanh thu tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>15.611.712.833</b>	<b>13.825.614.872</b>
<b>3. Chi phí tài chính</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	10.859.319.518	11.354.886.887
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	2.031.960.000	-
Lỗ bán chứng khoán	5.265.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	669.926.469
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	12.896.544.518	2.769.960.000
<b>Cộng</b>	<b>10.859.319.518</b>	<b>14.794.773.356</b>
<b>4. Chi phí bán hàng</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	11.103.759.538	8.795.043.546
Chi Phí Marketing	3.295.419.782	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	357.851.480	50.158.028
Chi phí khấu hao tài sản cố định	916.435.058	892.323.908
Chi phí kênh thương mại điện tử	20.501.953.038	2.473.840.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.863.560.178	3.700.048.020
Chi phí bằng tiền khác	6.456.016.296	-
Các chi phí khác	8.336.025	1.055.366.912
<b>Cộng</b>	<b>45.503.331.395</b>	<b>16.966.780.638</b>
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	20.132.715.102	18.248.173.834
Chi phí đồ dùng văn phòng	775.538.194	191.666.549
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.149.596.529	1.233.618.823
Thuế, phí và lệ phí	581.586.646	693.139.447
Dự phòng phải thu khó đòi	401.525.730	1.073.918.555
Chi phí dịch vụ mua ngoài	383.138.217	2.573.987.277
Các chi phí khác	6.393.644.041	3.286.287.378
<b>Cộng</b>	<b>29.817.744.459</b>	<b>27.300.791.863</b>

71558  
 NG TY  
 PHÂN  
 BẠCH TUYẾT  
 TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi nhượng bán công cụ, dụng cụ	129.308.012	-
Thu nhập từ việc xử lý các khoản nợ phải trả không rõ đối tượng đã tồn lâu <sup>(i)</sup>	183.316	6.049.893.074
Thu nhập khác	28.023.328	61.483.099
<b>Cộng</b>	<b><u>157.514.656</u></b>	<b><u>6.111.376.173</u></b>

<sup>(i)</sup> Thu nhập từ xử lý khoản phải trả khác không rõ đối tượng tồn đọng từ nhiều năm (xem thuyết minh số V.18a).

**7. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt chậm nộp và vi phạm hành chính	-	-
Xử lý các khoản trích thưởng vượt lợi nhuận không thu hồi được <sup>(i)</sup>	-	468.000.000
Chi phí khác	333.934.363	44.564.091
<b>Cộng</b>	<b><u>333.934.363</u></b>	<b><u>512.564.091</u></b>

<sup>(i)</sup> Xử lý các khoản trích thưởng vượt lợi nhuận từ năm 2016 không thu hồi được (xem thuyết minh số V.5).

**8. Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	234.887.966.126	182.244.687.638
Chi phí nhân công	20.786.851.722	52.937.860.582
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.456.844.448	10.740.326.524
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	6.125.297.521
Chi phí khác	37.065.539.400	20.634.515.520
<b>Cộng</b>	<b><u>305.197.201.696</u></b>	<b><u>272.682.687.785</u></b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT**

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát*

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
<b>Năm nay</b>			
Ban điều hành	2.575.000.000	45.800.000	2.620.800.000
<b>Cộng</b>	<u>1.980.000.000</u>	<u>45.800.000</u>	<u>2.620.800.000</u>
<b>Năm trước</b>			
Ban điều hành	1.980.000.000	-	1.980.000.000
<b>Cộng</b>	<u>1.980.000.000</u>	<u>-</u>	<u>1.980.000.000</u>

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

**Bên liên quan khác****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Sài Gòn 3 Group

Công ty mẹ tối cao

Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3

Công ty con của Công ty mẹ cao nhất

Công ty Cổ phần May da Sài Gòn

Công ty con của Công ty mẹ cao nhất

Công ty Cổ phần Sài Gòn 3 Jean

Công ty con của Công ty Cổ phần

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh

Công ty liên kết của Công ty mẹ cao nhất

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công

Công ty con của Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital

Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công

Công ty con của Công ty Cổ phần

Quỹ Đầu tư Thành Công

Chứng khoán Thành Công

Công ty TNHH Bạch Tuyết Kotton

Công ty con của Công ty Cổ phần

Chứng khoán Thành Công

Công ty con

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.12 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần May da Sài Gòn</b>		
Cho vay	99.000.000.000	
Lãi cho vay	3.213.315.068	10.777.890.411



## CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG BẠCH TUYẾT

Địa chỉ: 550 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV-2025 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

##### *Cam kết bảo lãnh*

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group và Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital cam kết đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tuyệt đối, vô điều kiện và không hủy ngang khoản vay dài hạn của Công ty với Financing for Healthier Lives, DAC (xem thuyết minh số V.19b).

##### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.2, V.4a, V.5a, V.14 và V.18a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## 2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại băng, gạc y tế, bông y tế, khẩu trang y tế, tấm bông và các sản phẩm khác từ bông băng. Các sản phẩm của Công ty không có sự khác biệt về rủi ro và chủ yếu được tiêu thụ tại Việt Nam. Doanh thu từ việc kinh doanh các sản phẩm này chiếm trên 99% tổng doanh thu bán hàng.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện tại của Công ty.

## 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.



**Thiều Thị Cẩm Tú**  
Kế toán trưởng/Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2026



**Nguyễn Khánh Linh**  
Tổng Giám đốc



1584-C.T.C.P  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
BÔNG BẠCH TUYẾT  
HỒ CHÍ MINH

**BACH TUYET COTTON CORPORATION**

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fourth quarter of the financial year ended December 31, 2025

**BALANCE SHEET**

As of 31 December 2025

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Closing balance at the end of the period	Opening balance at the beginning of the year
<b>A - CURRENT ASSETS</b>	<b>100</b>		<b>170.453.997.331</b>	<b>193.806.285.741</b>
<b>I. Cash and cash equivalents</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>26.725.643.213</b>	<b>29.277.857.486</b>
1. Cash	111		26.725.643.213	25.277.857.486
2. Cash equivalents	112		-	4.000.000.000
<b>II. Short-term financial investments</b>	<b>120</b>		<b>15.000.000.000</b>	<b>-</b>
1. Trading securities	121		-	-
2. Provisions for devaluation of trading securities	122		-	-
3. Held-to-maturity investments	123		15.000.000.000	-
<b>III. Short-term receivables</b>	<b>130</b>		<b>96.339.163.961</b>	<b>120.302.801.759</b>
1. Short-term trade receivables	131	V.2	51.005.471.927	29.195.302.494
2. Short-term prepayments to suppliers	132	V.3	6.659.545.208	2.899.129.972
3. Short-term inter-company receivables	133		-	-
4. Receivables according to the progress of constructi	134		-	-
5. Receivables for short-term loans	135	V.4a	38.000.000.000	85.434.885.472
6. Other short-term receivables	136	V.5a	2.183.376.158	3.881.187.423
7. Allowance for short-term doubtful debts	137	V.6	(1.509.229.332)	(1.107.703.602)
8. Deficit assets for treatment	139		-	-
<b>IV. Inventories</b>	<b>140</b>		<b>29.287.149.010</b>	<b>42.967.184.583</b>
1. Inventories	141	V.7	30.304.035.272	44.153.441.244
2. Allowance for devaluation of inventories	149	V.7	(1.016.886.262)	(1.186.256.661)
<b>V. Other current assets</b>	<b>150</b>		<b>3.102.041.147</b>	<b>1.258.441.913</b>
1. Short-term prepaid expenses	151	V.8a	2.442.732.333	1.034.322.829
2. Deductible VAT	152		-	-
3. Taxes and other receivables from the State	153	V.15	659.308.814	224.119.084
4. Trading Government bonds	154		-	-
5. Other current assets	155		-	-

**BACH TUYET COTTON CORPORATION**

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fourth quarter of the financial year ended December 31, 2025

**Balance Sheet (cont.)**

ITEMS	Code	Note	Closing balance at the end of the period	Opening balance at the beginning of the year
<b>B- NON-CURRENT ASSETS</b>	<b>200</b>		<b>216.232.657.497</b>	<b>121.934.615.823</b>
<b>I. Long-term receivables</b>	<b>210</b>		<b>99.210.000.000</b>	<b>14.210.000.000</b>
1. Long-term trade receivables	211		-	-
2. Long-term prepayments to suppliers	212		-	-
3. Working capital in affiliates	213		-	-
4. Long-term inter-company receivables	214		-	-
5. Receivables for long-term loans	215	V.4b	99.000.000.000	14.000.000.000
6. Other long-term receivables	216	V.5b	210.000.000	210.000.000
7. Allowance for long-term doubtful debts	219		-	-
<b>II. Fixed assets</b>	<b>220</b>		<b>81.292.703.344</b>	<b>81.580.253.261</b>
1. Tangible fixed assets	221	V.9	80.744.668.051	80.946.765.261
- Historical cost	222		161.304.853.736	151.420.941.680
- Accumulated depreciation	223		(80.560.185.685)	(70.474.176.419)
2. Financial leased assets	224		-	-
- Historical cost	225		-	-
- Accumulated depreciation	226		-	-
3. Intangible fixed assets	227	V.10	548.035.293	633.488.000
- Initial cost	228		1.856.034.720	1.624.120.000
- Accumulated amortization	229		(1.307.999.427)	(990.632.000)
<b>III. Investment property</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Historical costs	231		-	-
- Accumulated depreciation	232		-	-
<b>IV. Long-term assets in process</b>	<b>240</b>		<b>21.426.025.605</b>	<b>11.365.754.050</b>
1. Long-term work in process	241		-	-
2. Construction-in-progress	242	V.11	21.426.025.605	11.365.754.050
<b>V. Long-term financial investments</b>	<b>250</b>		<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
1. Investments in subsidiaries	251		10.000.000.000	10.000.000.000
2. Investments in joint ventures and associates	252		-	-
3. Investments in other entities	253		-	-
4. Provisions for devaluation of long-term financial ir	254		-	-
5. Held-to-maturity investments	255		-	-
<b>VI. Other non-current assets</b>	<b>260</b>		<b>4.303.928.548</b>	<b>4.778.608.512</b>
1. Long-term prepaid expenses	261	V.8b	4.303.928.548	4.778.608.512
2. Deferred income tax assets	262	V.12	-	-
3. Long-term components and spare parts	263		-	-
4. Other non-current assets	268		-	-
<b>TOTAL ASSETS</b>	<b>270</b>		<b>386.686.654.828</b>	<b>315.740.901.564</b>

**BACH TUYET COTTON CORPORATION**

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fourth quarter of the financial year ended December 31, 2025

**Balance Sheet (cont.)**

ITEMS	Code	Note	Closing balance at the end of the period	Opening balance at the beginning of the year
<b>C - LIABILITIES</b>	<b>300</b>		<b>131.299.801.967</b>	<b>166.995.108.525</b>
<b>I. Current liabilities</b>	<b>310</b>		<b>66.412.381.967</b>	<b>88.139.648.525</b>
1. Short-term trade payables	311	V.13	13.126.346.293	14.284.771.882
2. Short-term advances from customers	312	V.14	24.849.281.188	10.869.964.001
3. Taxes and other obligations to the State Budget	313	V.15	4.478.346.989	2.307.269.068
4. Payables to employees	314	V.16	11.155.752.457	10.648.684.007
5. Short-term accrued expenses	315	V.17	9.543.740.205	4.629.930.725
6. Short-term inter-company payables	316		-	-
7. Payables according to the progress of construction	317		-	-
8. Short-term unearned revenue	318		-	-
9. Other short-term payables	319	V.18a	1.857.138.777	1.535.903.240
10. Short-term borrowings and financial leases	320	V.19a, c	1.277.410.608	43.738.760.152
11. Provisions for short-term payables	321	V.20	124.365.450	124.365.450
12. Bonus and welfare funds	322		-	-
13. Price stabilization fund	323		-	-
14. Trading Government bonds	324		-	-
<b>II. Non-current liabilities</b>	<b>330</b>		<b>64.887.420.000</b>	<b>78.855.460.000</b>
1. Long-term trade payables	331		-	-
2. Long-term advances from customers	332		-	-
3. Long-term accrued expenses	333		-	-
4. Inter-company payables for working capital	334		-	-
5. Long-term inter-company payables	335		-	-
6. Long-term unearned revenue	336		-	-
7. Other long-term payables	337		-	-
8. Long-term borrowings and financial leases	338	V.19b, c	64.887.420.000	78.855.460.000
9. Convertible bonds	339		-	-
10. Preferred shares	340		-	-
11. Deferred income tax liability	341		-	-
12. Provisions for long-term payables	342		-	-
13. Science and technology development fund	343		-	-

**BACH TUYET COTTON CORPORATION**

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fourth quarter of the financial year ended December 31, 2025

**Balance Sheet (cont.)**

ITEMS	Code	Note	Closing balance at the end of the period	Opening balance at the beginning of the year
<b>D - OWNER'S EQUITY</b>	<b>400</b>		<b>255.386.852.861</b>	<b>148.745.793.039</b>
<b>I. Owner's equity</b>	<b>410</b>		<b>255.386.852.861</b>	<b>148.745.793.039</b>
1. Owner's capital	411	V.21	196.000.000.000	98.000.000.000
- Ordinary shares carrying voting rights	411a		196.000.000.000	98.000.000.000
- Preferred shares	411b		-	-
2. Share premiums	412	V.21	24.811.850.000	25.160.000.000
3. Bond conversion options	413		-	-
4. Other sources of capital	414		-	-
5. Treasury stocks	415		-	-
6. Differences on asset revaluation	416		-	-
7. Foreign exchange differences	417		-	-
8. Investment and development fund	418	V.21	9.474.344.616	9.474.344.616
9. Business arrangement supporting fund	419		-	-
10. Other funds	420		-	-
11. Retained earnings	421	V.21	25.100.658.245	16.111.448.423
to the end of the previous period	421a		10.359.734.516	611.883.776
- Retained earnings of the current period	421b		14.740.923.729	15.499.564.647
12. Construction investment fund	422		-	-
<b>II. Other sources and funds</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Sources of expenditure	431		-	-
2. Fund to form fixed assets	432		-	-
<b>TOTAL LIABILITIES AND OWNER'S EQUITY</b>	<b>440</b>		<b>386.686.654.828</b>	<b>315.740.901.564</b>



Thieu Thi Cam Tu  
Chief Accountant/Preparer



Ho Chi Minh City, 30 January 2026

Nguyen Khanh Linh  
General Director

**BACH TUYET COTTON CORPORATION**

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fourth quarter of the financial year ended December 31, 2025

**Statement of Profit or Loss for the fourth quarter of 2025**

For the fiscal year ended 31 December 2025

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Current quarter (current year)	Corresponding quarter of the prior year	Year-to-date for the current year	Year-to-date for the prior year
1. Revenue from sales of goods and provisions o	01	VI.1	88.361.968.720	67.178.999.306	273.961.313.540	202.610.848.579
2. Revenue deductions	02	VI.2	7.385.582.540	4.816.816.309	26.169.400.493	15.943.687.262
3. Net revenue	10		80.976.386.180	62.362.182.997	247.791.913.047	186.667.161.317
4. Cost of sales	11	VI.3	45.468.861.294	46.015.244.693	156.666.914.730	128.976.391.586
5. Gross profit	20		35.507.524.886	16.346.938.304	91.124.998.317	57.690.769.731
6. Financial income	21	VI.4	4.120.122.097	3.249.853.136	15.611.712.833	13.825.614.872
7. Financial expenses	22	VI.5	2.179.976.918	3.831.699.872	12.896.544.518	14.794.773.356
<i>In which: Loan interest expenses</i>	23		2.349.716.918	2.369.709.332	10.859.319.518	11.354.886.887
8. Selling expenses	25	VI.6	23.932.321.841	6.668.152.775	45.503.331.395	16.966.780.638
9. General and administration expenses	26	VI.7	9.496.129.986	7.728.895.167	29.817.744.459	27.300.791.863
10 Net operating profit	30		4.019.218.238	1.368.043.626	18.519.090.778	12.454.038.746
11 Other income	31	VI.8	278.826.758	59.608.583	157.514.656	6.111.376.173
12 Other expenses	32	VI.9	15.016.362	469.048	333.934.363	512.564.091
13 Other profit	40		263.810.396	59.139.535	176.419.707	5.598.812.082
14 Total accounting profit before tax	50		4.283.028.634	1.427.183.161	18.342.671.071	18.052.850.828
15 Current income tax	51	V.15	1.978.285.895	255.287.852	3.601.747.342	2.553.286.181
16 Deferred income tax	52		-	-	-	-
17 Profit after tax	60		<u>2.304.742.739</u>	<u>1.682.471.013</u>	<u>14.740.923.729</u>	<u>15.499.564.647</u>
18 Basic earnings per share	70	VI.10	-	-	-	-
19 Diluted earnings per share	71	VI.10	-	-	-	-



Thieu Thi Cam Tu  
Chief Accountant/Preparer

Ho Chi Minh, 30 January 2026



NGUYỄN KHÁNH LINH  
General Director

**BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY**

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

Statement of Profit or Loss for the fourth quarter of 2025

**STATEMENT OF CASH FLOWS FOR THE FOURTH QUARTER OF 2025  
PARENT COMPANY**

(Using the indirect method)

Statement of Profit or Loss for the fourth quarter of 2025

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Year-to-date for the current year	Year-to-date for the prior year
<b>I. Cash flows from operating activities</b>				
1. Profit before tax	01		17.593.339.000	18.052.850.828
2. Adjustments			-	
- Depreciation of fixed assets and investment properties	02		12.456.844.448	10.740.326.524
- Provisions	03		232.155.331	2.167.552.531
- Gain/ (loss) from exchange difference due to revaluation of monetary items in foreign currencies	04		-	2.769.960.000
- Gain/ (loss) from investing activities	05		-	(13.820.574.872)
- Interest expenses	06		-	11.354.886.887
- Other adjustments	07		912.871.620	-
3. Operating profit before changes of working capital	08		31.195.210.399	31.265.001.898
- Increase/(decrease) of receivables	09		(20.810.169.433)	(3.825.503.832)
- Increase/(decrease) of inventories	10		13.849.405.972	(7.056.026.330)
- Increase/(decrease) of payables	11		841.574.411	(3.575.739.169)
- Increase/ (decrease) of prepaid expenses	12		(1.408.409.504)	610.325.913
- Increase/(decrease) of securities trading	13		-	-
- Interests paid	14		-	(13.045.868.643)
- Corporate income tax paid	15		-	(2.072.607.645)
- Other cash inflows	16		569.997.610	-
- Other cash outflows	17		-	-
<i>Net cash flows from operating activities</i>	<b>20</b>		<u>24.237.609.455</u>	<u>2.299.582.192</u>
<b>II. Cash flows from investing activities</b>				
1. Purchases and construction of fixed assets and other long-term assets	21		(12.948.889.979)	(23.369.775.738)
2. Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets	22		1.140.818.180	-
3. Cash outflow for lending, buying debt instruments of other entities	23		(217.500.000.000)	(56.944.572.673)
4. Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities	24		150.285.424.851	80.973.150.224
5. Investments into other entities	25		-	-
6. Withdrawals of investments in other entities	26		-	-
7. Interest earned, dividends and profits received	27		16.507.458.692	14.833.357.619
<i>Net cash flows from investing activities</i>	<b>30</b>		<u>(62.515.188.256)</u>	<u>15.492.159.432</u>

**BONG BACH TUYET JOINT STOCK COMPANY**

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

Statement of Profit or Loss for the fourth quarter of 2025

Statement of Cash Flows (continued)

ITEMS	Code	Note	Year-to-date for the current year	Year-to-date for the prior year
<b>III. Cash flows from financing activities</b>				
1. Proceeds from issuing stocks and capital contributions from owners	31		98.000.000.000	-
2. Repayment for capital contributions and re-purchases of stocks already issued	32		(1.100.000)	-
3. Receivables from borrowings	33		128.392.667.205	143.813.812.450
4. Repayment for loan principal	34		(185.844.322.702)	(139.172.733.063)
5. Payments for financial leased assets	35		-	-
6. Dividends and profit paid to the owners	36		(4.821.879.975)	-
<i>Net cash flows from financing activities</i>	<b>40</b>		<u>35.725.364.528</u>	<u>4.641.079.387</u>
<b>Net cash flows during the period</b>	<b>50</b>		<b>(2.552.214.273)</b>	<b>22.432.821.011</b>
<b>Beginning cash and cash equivalents</b>	<b>60</b>		<b>29.277.857.486</b>	<b>6.845.036.475</b>
Effects of fluctuations in foreign exchange rates	61		-	-
<b>Ending cash and cash equivalents</b>	<b>70</b>		<u><b>26.725.643.213</b></u>	<u><b>29.277.857.486</b></u>



Thieu Thi Cam Tu  
Chief Accountant



Ho Chi Minh, 30 January 2026

Nguyen Khanh Linh  
General Director

# BACH TUYET COTTON CORPORATION

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

## FINANCIAL STATEMENTS

For the fourth quarter of the financial year ended December 31, 2025

### NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2025

#### I. GENERAL INFORMATION

##### 1. Ownership form

Bach Tuyet Cotton Corporation (hereinafter referred to as "the Corporation") is a joint stock company.

##### 2. Operating fields

The Corporation's operating fields are manufacturing and trading.

##### 3. Principal business activities

Principal business activities of the Corporation are to manufacture and trade all kinds of medical cotton, sanitary napkins and other products from cotton; to manufacture masks, disposable masks and medical masks.

##### 4. Normal operating cycle

The normal operating cycle of the Corporation is within 12 months.

##### 5. Effects of the Corporation's operation during the year on the Financial Statements

The Corporation changed its business model from primarily cooperative sales through distribution channels to online sales via e-commerce platforms (through Bach Tuyet Cotton Company Limited – a subsidiary). As a result, the current year saw a strong growth in the Corporation's revenue.

##### 6. Structure of the Corporation

###### *Subsidiary*

The Corporation only invests in its subsidiary which is Bach Tuyet Cotton Company Limited, located at No. 550 Au Co Street, Ward 10, Tan Binh District, Ho Chi Minh City. Principal business activity of this subsidiary is to trade all kinds of medical bandage, medical gauze, medical equipment, medical cotton, pharmaceuticals, medical instruments, medical masks, soap, detergents, polishes and sanitary products. As of the balance sheet date, the Corporation's capital contribution rate at this subsidiary is 100%, equivalent to voting rate and benefit rate.

###### *Affiliates which are not legal entities and cannot do accounting works independently*

Affiliates	Address
Manufacturing Factory – Bach Tuyet Cotton Corporation	B52-B54/I, Road 2E, Vinh Loc Industrial Park, Vinh Loc A Commune, Binh Chanh District, Ho Chi Minh City
Representative Office – Bach Tuyet Cotton Corporation	No. 110, Hai Ba Trung Street, Quarter 3, Trang Bom Town, Trang Bom District, Dong Nai Province

##### 7. Statement of information comparability on the Financial Statements

The corresponding figures of the previous year can be comparable with figures of the current year.

##### 8. Headcount

As of the balance sheet date, the Corporation's headcount is 279 (headcount at the beginning of the year: 240).

## **BACH TUYET COTTON CORPORATION**

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

### **FINANCIAL STATEMENTS**

For the fourth quarter of the financial year ended December 31, 2025

Continued Notes to the Financial Statements

## **II. FISCAL YEAR AND ACCOUNTING CURRENCY**

### **1. Fiscal year**

The fiscal year of the Corporation is from 01 January to 31 December annually.

### **2. Accounting currency unit**

The accounting currency unit is Vietnamese Dong (VND) because the Corporation's transactions are primarily made in VND.

## **III. ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM**

### **1. Accounting System**

The Corporation applies the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 as well as other Circulars guiding the implementation of Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in preparation and presentation of the Financial Statements.

### **2. Statement of the compliance with the Accounting Standards and System**

The Board of Directors ensures to follow all the requirements of the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 as well as other Circulars guiding the implementation of Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in preparation and presentation of the Financial Statements.

## **IV. ACCOUNTING POLICIES**

### **1. Accounting convention**

All the Financial Statements are prepared on the accrual basis (except for the information related to cash flows).

### **2. Foreign currency transactions**

Transactions in foreign currencies are converted at the actual exchange rates ruling as of the transaction dates. The ending balances of monetary items in foreign currencies are converted at the actual exchange rates ruling as of the balance sheet date.

Foreign exchange differences arisen from foreign currency transactions during the year shall be included into financial income or financial expenses. Foreign exchange differences due to the revaluation of ending balances of the monetary items in foreign currencies after offsetting their positive differences against negative differences shall be included into financial income or financial expenses.

The exchange rate used to convert foreign currency transactions is the actual exchange rate ruling as at the time of these transactions. The actual exchange rates applied to foreign currency transactions are as follows:

- For receivables: the buying rate ruling as at the time of transaction of the commercial bank where the Corporation designates the customers to make payments.
- For payables: the selling rate ruling as at the time of transaction of the commercial bank where the Corporation supposes to make payments.
- For acquisition of assets or immediate payments in foreign currency (not included into payable accounts): the buying rate of the commercial bank where the Corporation makes payments.

## **BACH TUYET COTTON CORPORATION**

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

### **FINANCIAL STATEMENTS**

For the fourth quarter of the financial year ended December 31, 2025

Continued Notes to the Financial Statements

The exchange rates used to re-evaluate the ending balances of monetary items in foreign currencies are determined according to the following principles:

- For foreign currency deposits: the buying rate of the bank where the Corporation opens its foreign currency account.
- For monetary items in foreign currencies classified as other assets: the buying rate of Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank), where the Corporation frequently conducts transactions.
- For monetary items in foreign currencies classified as liabilities: the selling rate of Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank), where the Corporation frequently conducts transactions.

### **3. Cash and cash equivalents**

Cash includes cash on hand and demand deposits in banks. Cash equivalents are short-term investments of which the due dates do not exceed 3 months from the dates of the investments that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value as of the balance sheet date.

### **4. Financial investments**

#### *Loans*

Loans are measured at costs less allowance for doubtful debts. Allowance for doubtful debts of loans is made on the basis of estimated losses.

#### *Investments in subsidiary*

Subsidiary is an entity that is controlled by the Corporation. Control is the Corporation's power to govern the financial and operating policies of an entity so as to obtain benefits from its activities.

#### *Initial recognition*

Investments in subsidiary are initially recognized at costs, including the cost of purchase or capital contributions plus other directly attributable transaction cost. In case of investment in non-monetary assets, the costs of the investment are recognized at the fair value of non-monetary assets at the arising time.

#### *Provisions for impairment of investments in subsidiary*

Provisions for impairment of investments in subsidiary are made when the subsidiary suffers from losses at the rate equal to the difference between the actual capital invested by investors in subsidiary and the actual owner's equity multiplying (x) by the Corporation's ownership rate of actual charter capital invested by the Corporation in subsidiary. If the subsidiary is consolidated into Consolidated Financial Statements, the basis for impairment provisions is the Consolidated Financial Statements.

Increases/(decreases) in the provisions for impairment of investments in subsidiary as of the balance sheet date are recorded into financial expenses.

### **5. Receivables**

Receivables are recognized at the carrying amounts less allowances for doubtful debts.

The classification of receivables as trade receivables and other receivables is made according to the following principles:

- Trade receivables reflect receivables concerning the commercial nature arising from purchase and sale transactions between the Corporation and customers who are independent to the Corporation.
- Other receivables reflect receivables not concerning the commercial nature and irrelevant to purchase and sale transactions.

## **BACH TUYET COTTON CORPORATION**

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

### **FINANCIAL STATEMENTS**

For the fourth quarter of the financial year ended December 31, 2025

Continued Notes to the Financial Statements

Allowance is made for each doubtful debt on the basis of the ages of debts after offsetting against liabilities (if any) or estimated loss as follows:

- As for overdue debts:
  - 30% of the value of debts overdue between 6 months and less than 1 year.
  - 50% of the value of debts overdue between 1 year and less than 2 years.
  - 70% of the value of debts overdue between 2 years and less than 3 years.
  - 100% of the value of debts overdue more than 3 years.
- As for doubtful debts: Allowance is made on the basis of the estimated loss.

Increases/(decreases) in the obligatory allowance for doubtful debts as of the balance sheet date are recorded into general and administration expenses

#### **6. Inventories**

Inventories are recognized at the lower of cost or net realizable value.

Cost of inventories is determined as follows:

- For materials and merchandise: Costs comprise costs of purchases and other directly relevant costs incurred in bringing the inventories to their present location and conditions.
- Work-in-process: Costs comprise costs of main materials, labor and other directly relevant costs.
- For finished goods: Costs comprise costs of materials, direct labor and directly relevant general manufacturing expenses allocated on the basis of normal operations.

Stock-out costs are determined in accordance with the weighted average method and recorded in line with the perpetual method.

Net realizable value is the estimated selling price of inventories in the ordinary course of business less the estimated costs of completion and the estimated costs necessary to make the sale.

Allowance for devaluation of inventories is recognized for each type of inventories when their costs are higher than their net realizable values. Increases/(decreases) in the obligatory allowance for devaluation of inventories as of the balance sheet date are recorded into costs of sales.

#### **7. Prepaid expenses**

Prepaid expenses comprise actual expenses incurred and relevant to financial performance in several accounting periods. Prepaid expenses of the Corporation mainly include land rental, expenses of tools and expenses of fixed asset repairs. These prepaid expenses are allocated over the prepayment period or period in which corresponding benefits are realized.

##### ***Land rental***

Prepaid land rental reflects the rental prepaid for the land being used by the Corporation and is allocated into costs in accordance with the straight-line method over the lease term (i.e. 50 years).

##### ***Expenses of tools***

Expenses of tools being put into use are allocated into costs in accordance with the straight-line method for the maximum period of 92 months.

##### ***Expenses of fixed asset repairs***

Expenses of fixed asset repairs incurred once with high value are allocated into costs in accordance with the straight-line method for the maximum period of 54 months.

## **BACH TUYET COTTON CORPORATION**

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

### **FINANCIAL STATEMENTS**

For the fourth quarter of the financial year ended December 31, 2025

Continued Notes to the Financial Statements

#### **8. Tangible fixed assets**

Tangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated depreciation. Historical costs of tangible fixed assets include all the expenses paid by the Corporation to bring the asset to its working condition for its intended use. Other expenses arising subsequent to initial recognition are included into historical costs of fixed assets only if it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in future economic benefits expected to be obtained from the use of these assets. Those which do not meet the above conditions will be recorded into operation costs during the year.

When a tangible fixed asset is sold or disposed, its historical cost and accumulated depreciation are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the year.

Tangible fixed assets are depreciated in accordance with the straight-line method over their estimated useful lives. The depreciation period applied is as follows:

<u>Fixed assets</u>	<u>Years</u>
Buildings and structures	03 - 50
Machinery and equipment	02 - 15
Vehicles	05 - 15
Office equipment	01 - 08
Other tangible fixed assets	01 - 05

#### **9. Intangible fixed assets**

Intangible fixed assets are determined by their initial costs less accumulated amortization.

The Corporation's intangible fixed asset includes computer software. Expenses attributable to computer software, which is not a part associated with the relevant hardware, will be capitalized. Costs of computer software include all the expenses paid by the Corporation until the date the software is put into use. Computer software is amortized in accordance with the straight-line method in 5 years.

When an intangible fixed asset is sold or disposed, its initial costs and accumulated amortization are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the year.

#### **10. Construction-in-progress**

Construction-in-progress reflects the expenses (including relevant loan interest expenses following the accounting policies of the Corporation) directly attributable to assets under construction, machinery and equipment under installation for purposes of production, leasing and management as well as the repair of fixed assets in progress. These assets are recorded at historical costs and not depreciated.

#### **11. Payables and accrued expenses**

Payables and accrued expenses are recorded for the amounts payable in the future associated with the goods and services received. Accrued expenses are recorded based on reasonable estimates for the amounts payable.

The classification of payables as trade payables, accrued expenses and other payables is made on the basis of following principles:

- Trade payables reflect payables of commercial nature arising from the purchase of goods, services, or assets, of which the seller is an independent entity with the Corporation, including payables for import through entrustment.

## **BACH TUYET COTTON CORPORATION**

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

### **FINANCIAL STATEMENTS**

For the fourth quarter of the financial year ended December 31, 2025

Continued Notes to the Financial Statements

- Accrued expenses reflect expenses for goods, services received from suppliers or supplied to customers but have not been paid, invoiced or lack of accounting records and supporting documents; pay on leave payable to employees; and accrual of operation expenses.
- Other payables reflect payables of non-commercial nature and irrelevant to purchase, sales of goods or provisions of services.

The payables and accrued expenses are classified as short-term and long-term items in the Balance Sheet on the basis of their remaining term as of the balance sheet date.

#### **12. Provisions for severance allowances**

The Corporation has to pay for severance allowances to the employees who have worked regularly for the Corporation for 12 months or more for the period in which employees do not pay for unemployment insurance when they terminate the labor contracts. Provisions for severance allowances are appropriated at the rate equal to  $\frac{1}{2}$  of the average salary plus the salary allowances (if any) in the most recent 6 consecutive months to the date of preparing the Financial Statements for each working year.

Increases/(decreases) of provisions for severance allowances are appropriated at the balance sheet date and recorded in general and administration expenses.

#### **13. Owner's equity**

##### ***Owner's capital***

The contributed capital is recorded according to the actual amounts invested by shareholders.

##### ***Share premiums***

Share premiums are recorded in accordance with the difference between the issuance price and face value upon the IPO, additional issue or the difference between the re-issuance price and carrying value of treasury shares and the equity component of convertible bonds upon maturity date. Expenses directly related to the additional issue of shares and the re-issuance of treasury shares are recorded as a decrease in share premiums.

#### **14. Profit distribution**

Profit after tax is distributed to the shareholders after appropriation for funds under the Charter of the Corporation as well as legal regulations and approved by the General Meeting of Shareholders.

The distribution of profits to the shareholders is made with consideration toward non-cash items in the retained earnings that may affect cash flows and payment of dividends such as profit due to revaluation of assets contributed as investment capital, profit due to revaluation of monetary items, financial instruments and other non-cash items.

Dividends are recorded as payables upon approval of the General Meeting of Shareholders.

#### **15. Recognition of revenue and income**

##### ***Revenue from sales of merchandise, finished goods***

Revenue from sales of merchandise, finished goods shall be recognized when all of the following conditions are satisfied:

- The Corporation transfers most of risks and benefits incident to the ownership of merchandise, products to customers.
- The Corporation retains neither continuing managerial involvement to the degree usually associated with ownership nor effective control over the merchandise, products sold.
- The amount of revenue can be measured reliably. When the contracts stipulate that buyers have the right to return merchandise, products purchased under specific conditions, the revenue is recorded only when those specific conditions are no longer exist and buyers retains no right to

## **BACH TUYET COTTON CORPORATION**

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

### **FINANCIAL STATEMENTS**

For the fourth quarter of the financial year ended December 31, 2025

Continued Notes to the Financial Statements

return merchandise, products (except for the case that such returns are in exchange for other merchandise or services).

- The Corporation received or shall probably receive the economic benefits associated with sale transactions.
- The cost incurred or to be incurred in respect of the sale transaction can be measured reliably.

#### ***Revenue from provisions of services***

Revenue from provisions of services shall be recognized when all of the following conditions are satisfied:

- The amount of revenue can be measured reliably. When the contract stipulates that the buyer is entitled to return the services provided under specific conditions, revenue is recognized only when these specific conditions are no longer existed and the buyer is not entitled to return the services provided.
- The Corporation received or shall probably receive the economic benefits associated with the provision of services.
- The stage of completion of the transaction at the end of reporting period can be measured reliably.
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

In the case that the services are provided in several accounting periods, the determination of revenue is done on the basis of the volume of work done as of the balance sheet date.

#### ***Interest***

Interest is recorded, based on the term and the actual interest rate applied in each particular period.

#### ***Dividends and profit received***

Dividends and profit received are recognized when the Corporation has the right to receive dividends or profit from the capital contribution. Particularly, the dividends paid in form of shares are not recorded as an increase in value, but the increasing quantity of shares is followed up.

### **16. Revenue deductions**

Revenue deductions include trade discounts, sales returns incurred in the same period of providing products, merchandise, services, in which revenue is derecognized.

In case of products, merchandise, services provided in the previous years but trade discounts, sales returns incurred in the current year, revenue is derecognized as follows:

- If trade discounts, sales returns incur prior to the release of the Financial Statements, revenue is derecognized on the Financial Statements of the current year.
- If trade discounts, sales returns incur after the release of the Financial Statements, revenue is derecognized on the Financial Statements of the following year.

### **17. Borrowing costs**

Borrowing costs are interest and other costs that the Corporation directly incurs in connection with the borrowing.

Borrowing costs are recorded as an expense when it is incurred. In case the borrowing costs are directly attributable to the construction or the production of an asset in progress, which takes a substantial period of time (over 12 months) to get ready for intended use or sales of the asset, these costs will be included in the cost of that asset. To the extent that the borrowings are especially for the purpose of construction of fixed assets and investment properties, the borrowing cost is eligible for capitalization even if construction period is under 12 months. Incomes arisen from provisional investments as loans are recognized as a decrease in the costs of relevant assets.

## **BACH TUYET COTTON CORPORATION**

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

### **FINANCIAL STATEMENTS**

For the fourth quarter of the financial year ended December 31, 2025

Continued Notes to the Financial Statements

In the event that general borrowings are partly used for the acquisition, construction or production of an asset in progress, the costs eligible for capitalization will be determined by applying the capitalization rate to average accumulated expenditure on construction or production of that asset. The capitalization rate is computed at the weighted average interest rate of the borrowings not yet paid during the year, except for particular borrowings serving the purpose of obtaining a specific asset.

#### **18. Expenses**

Expenses are those that result in outflows of the economic benefits and are recorded at the time of transactions or when incurrence of the transaction is reliable regardless of whether payment for expenses is made or not.

Expenses and their corresponding revenues are simultaneously recognized in accordance with matching principle. In the event that matching principle conflicts with prudence principle, expenses are recognized based on the nature and regulations of accounting standards in order to guarantee that transactions can be fairly and truly reflected.

#### **19. Corporate income tax**

Corporate income tax includes current income tax and deferred income tax.

##### ***Current income tax***

Current income tax is the tax amount computed based on the taxable income. Taxable income is different from accounting profit due to the adjustments of temporary differences between tax and accounting figures, non-deductible expenses as well as those of non-taxable income and losses brought forward.

##### ***Deferred income tax***

Deferred income tax is the amount of corporate income tax payable or refundable due to temporary differences between book values of assets and liabilities serving the preparation of the Financial Statements and the values for tax purposes. Deferred income tax liabilities are recognized for all the temporary taxable differences. Deferred income tax assets are recorded only when there is an assurance on the availability of taxable income in the future against which the temporarily deductible differences can be used.

Carrying values of deferred corporate income tax assets are considered as of the balance sheet date and will be reduced to the rate that ensures enough taxable income against which the benefits from part of or all of the deferred income tax can be used. Deferred corporate income tax assets, which have not been recorded before, are considered as of the balance sheet date and are recorded when there is certainly enough taxable income to use these unrecognized deferred corporate income tax assets.

Deferred income tax assets and deferred income tax liabilities are determined at the estimated rate to be applied in the year when the assets are recovered or the liabilities are settled based on the effective tax rates as of the balance sheet date. Deferred income tax is recognized in the Income Statement. In the case that deferred income tax is related to the items of the owner's equity, corporate income tax will be included in the owner's equity.

The Corporation shall offset deferred tax assets and deferred tax liabilities if:

- The Corporation has the legal right to offset current income tax assets against current income tax liabilities; and
- Deferred income tax assets and deferred income tax liabilities are relevant to corporate income tax which is under the management of one tax authority either:
  - Of the same subject to corporate income tax; or

## BACH TUYET COTTON CORPORATION

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

### FINANCIAL STATEMENTS

For the fourth quarter of the financial year ended December 31, 2025

Continued Notes to the Financial Statements

- The Corporation has intention to pay current income tax liabilities and current income tax assets on a net basis or recover tax assets and settle tax liability simultaneously in each future period to the extent that the majority of deferred income tax liabilities or deferred income tax assets are paid or recovered.

#### 20. Related parties

A party is considered a related party of the Corporation in case that party is able to control the Corporation or to cause material effects on the financial decisions as well as the operations of the Corporation. A party is also considered a related party of the Corporation in case that party is under the same control or is subject to the same material effects.

Considering the relationship of related parties, the nature of relationship is focused more than its legal form.

#### 21. Segment reporting

A business segment is a distinguishable component of the Corporation that is engaged in manufacturing or providing products or services and that is subject to risks and returns that are different from those of other business segments.

A geographical segment is a distinguishable component of the Corporation that is engaged in manufacturing or providing products or services within a particular economic environment and that is subject to risks and returns that are different from those of components operating in other economic environments.

The segment information is prepared and presented in conformity with the accounting policies applicable to the preparation and presentation of the Financial Statements of the Corporation.

## V. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE BALANCE SHEET

#### 1. Cash and cash equivalents

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Cash on hand	172.530.007	388.695.653
Demand deposits in banks	26.553.113.206	24.889.161.833
Bank deposits of which the principal maturity is from 3 months or less		4.000.000.000
<b>Total</b>	<b><u>26.725.643.213</u></b>	<b><u>29.277.857.486</u></b>

#### 2. Short-term trade receivables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Ho Chi Minh City Medical Import Export Joint Stock Company (a related party)	6.868.357	11.396.945
EMC Medical Equipment Company Limited	1.889.564.836	1.616.435.628
Brian Vietnam Joint Stock Company	5.170.418.303	4.917.350.156
Tuyet Trang Medical Equipment Store	335.341.316	3.294.186.376
Nợ phải thu không rõ đối tượng <sup>(i)</sup>	-	-
Undefined receivables	43.603.279.115	19.355.933.389
<b>Cộng</b>	<b><u>51.005.471.927</u></b>	<b><u>29.195.302.494</u></b>

- <sup>(i)</sup> The undefined receivables and some receivables from other customers were written off by the Corporation according to the Resolution No. 11/2024/NQ-HDQT dated 13 September 2024 of the Board of Management because the allowance for these receivables has been made at the rate 100%.

**BACH TUYET COTTON CORPORATION**

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fourth quarter of the financial year ended December 31, 2025

Continued Notes to the Financial Statements

and these receivables cannot be recovered after more than 3 years from the date of making allowance.

**3. Short-term prepayments to suppliers**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Hanh Phu Medical Equipment and Products Company Limited	123.988.752	323.091.000
Phuc Loc Mechanical Company Limited	-	-
Fine Exports	42.900.513	2.104.956.000
Other suppliers	6.492.655.943	471.082.972
<b>Total</b>	<b><u>6.659.545.208</u></b>	<b><u>2.899.129.972</u></b>

**4. Receivables for loans****4a. Receivables for short-term loans**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Loan to Saigon Leather Joint Stock Company (a related party) <sup>(i)</sup>	-	74.000.000.000
Loan to Venus HCMC Company Limited	-	74.000.000.000
Loan to Mr. Pham Hoang Minh Vuong <sup>(ii)</sup>	38.000.000.000	11.434.885.472
Loan to Venus HCMC Company Limited	15.000.000.000	-
Loan to Mr. Pham Hoang Minh Vuong	-	7.569.419.293
Loan to Msr. Pham Ly Ly	-	3.865.466.179
Loan to Msr Ms. Pham Thi Hong	8.000.000.000	-
Cho công ty TNHH Việt Tin Phước vay	15.000.000.000	-
<b>Total</b>	<b><u>38.000.000.000</u></b>	<b><u>85.434.885.472</u></b>

**4b. Receivables for long-term loans**

This item reflects the unsecured loan to Venus HCMC Company Limited at the interest rate of 12,5%/year. The loan term is 24 months, starting from 25 April 2024 to 25 April 2026.

**5. Other receivables****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Ending balance</u>		<u>Beginning balance</u>	
	<u>Value</u>	<u>Allowance</u>	<u>Value</u>	<u>Allowance</u>
<b>Receivables from related party</b>	<b>2.646.190.136</b>	<b>-</b>	<b>2.646.190.136</b>	<b>-</b>
Saigon Leather Joint Stock Company - receivables for loan interest	-	-	2.526.630.137	-
Bach Tuyet Kotton Company Limited - support for marketing staff	-	-	119.559.999	-
<b>Receivables from other organizations and individuals</b>	<b>2.183.376.158</b>	<b>-</b>	<b>1.234.997.287</b>	<b>-</b>
Loan interest	941.095.892	-	361.555.448	-
Advance	541.516.941	-	355.568.278	-
Short-term deposits	68.310.441	-	207.828.637	-

**BACH TUYET COTTON CORPORATION**

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fourth quarter of the financial year ended December 31, 2025

Continued Notes to the Financial Statements

	Ending balance		Beginning balance	
	Value	Allowance	Value	Allowance
Other undefined advances, receivables <sup>(i)</sup>	120.670.197	-	-	-
Other short-term receivables <sup>(ii)</sup>	511.782.687	-	310.044.924	-
<b>Total</b>				
<b>Receivables from related party</b>	<b>2.183.376.158</b>	<b>-</b>	<b>3.881.187.423</b>	<b>-</b>

**5b. Other long-term receivables**

This item reflects the long-term deposits for leasing warehouses

**Doubtful debts**

The Corporation has the following overdue receivables

	Overdue period	Ending balance		Overdue period	Beginning balance	
		Original amount	Recoverable amount		Original amount	Overdue period
Saigon Leather Joint Stock Company (a related party) – principal of loans	From 6 months to less than 1 year	99.000.000.000	99.000.000.000		74.000.000.000	74.000.000.000
Other undefined advances, receivables		-	-	Trên 3 năm	-	-
Undefined trade receivables		-	-	Trên 3 năm	-	-
Short-term receivables from other customers		11.238.487.668	9.729.258.336		2.267.893.160	1.160.189.558
	More than 3 years	238.224.882	24.881.917		331.786.434	-
	From 2 years to less than 3 years	750.330.368	180.212.388		42.152.442	12.645.733
	From 1 year to less than 2 years	1.263.068.502	1.191.205.704		891.120.866	445.560.433
	From 6 months to less than 1 year	8.986.863.916	8.332.958.328		1.002.833.418	701.983.393
Receivables from other organizations and individuals		-	-		320.270.603	123.889.572
Receivables from other organizations and individuals		-	-	More than 3 years	189.874.563	32.612.344
		-	-	From 2 years to less than 3 years	130.396.040	91.277.228

**BACH TUYET COTTON CORPORATION**

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fourth quarter of the financial year ended December 31, 2025

Continued Notes to the Financial Statements

	Overdue period	Ending balance		Overdue period	Original amount	Beginning balance	
		Original amount	Recoverable amount			Recoverable amount	Overdue period
Saigon Leather Joint Stock Company (a related party) – principal of loans	From 6 months to less than 1 year	99.000.000.000	99.000.000.000			74.000.000.000	74.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>110.238.487.668</b>	<b>108.729.258.336</b>			<b>76.267.893.160</b>	<b>75.160.189.558</b>

Changes in allowances for doubtful debts are as follows

	Current year	Previous year
Beginning balance	1.107.703.602	3.531.356.435
Allowances made	948.228.227	1.073.918.555
Writing off debts <sup>(1)</sup>	(546.702.497)	(3.497.571.388)
<b>Ending balance</b>	<b>1.509.229.332</b>	<b>1.107.703.602</b>

**6. Inventories**

	Ending balance		Beginning balance	
	Original costs	Allowance	Original costs	Allowance
Materials and supplies	19.571.899.099	18.962.836	34.292.204.541	(327.125.893)
Work-in-process	630.699.170	-	815.975.287	-
Finished goods	9.314.713.802	(1.035.849.098)	9.026.941.416	(859.130.768)
Merchandise	786.723.201	-	18.320.000	-
<b>Total</b>	<b>30.304.035.272</b>	<b>(1.016.886.262)</b>	<b>44.153.441.244</b>	<b>(1.186.256.661)</b>

Changes in allowances for devaluation of inventories are as follows:

	Current year	Previous year
Beginning balance	- 1.186.256.661	92.622.685
Additional allowances	169.370.399	1.093.633.976
<b>Ending balance</b>	<b>- 1.016.886.262</b>	<b>1.186.256.661</b>

**7. Prepaid expenses****7a. Short-term prepaid expenses**

	Ending balance	Beginning balance
Expenses of tools		285.869.327
Insurance premiums	228.981.719	6.916.966
Expenses of fixed asset repairs	2.213.750.614	741.536.536
<b>Total</b>	<b>2.442.732.333</b>	<b>1.034.322.829</b>

**7b. Long-term prepaid expenses**

	Ending balance	Beginning balance
Land rental <sup>(1)</sup>		3.455.513.131
Expenses of tools	848.415.421	514.987.824
Expenses of fixed asset repairs	3.455.513.127	808.107.557
<b>Total</b>	<b>4.303.928.548</b>	<b>4.778.608.512</b>

**BACH TUYET COTTON CORPORATION**

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fourth quarter of the financial year ended December 31, 2025

Continued Notes to the Financial Statements

This is the prepaid rental for the land lots B52-53-54/I, Road 2E, Vinh Loc Industrial Park, Vinh Loc A Commune, Binh Chanh District, Ho Chi Minh City under the use-right of the Corporation. The right to use these land lots has been mortgaged to secure the Corporation's loan from VietinBank – Ho Chi Minh City Branch (see Note No. V.19a

**8. Tangible fixed assets**

	<b>Buildings and structures</b>	<b>Machinery and equipment</b>	<b>Vehicles</b>	<b>Office equipment</b>	<b>Other tangible fixed assets</b>	<b>Total</b>
<b>Historical costs</b>						
Beginning balance	45.686.762.232	96.627.111.314	7.450.552.330	1.253.718.103	402.797.701	151.420.941.680
Acquisition during the year	1.880.773.200	10.922.116.779	-	-	-	12.802.889.979
Completed constructions	-	-	-	-	-	-
<b>Ending balance</b>	<b>47.567.535.432</b>	<b>104.806.304.130</b>	<b>7.450.552.330</b>	<b>1.077.664.143</b>	<b>402.797.701</b>	<b>161.304.853.736</b>
<i>In which:</i>						
Assets fully depreciated but still in use	5.083.685.821	19.986.251.886	1.635.467.617	1.037.477.191	402.797.701	28.145.680.216
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-	-
<b>Depreciation</b>	<b>21.787.270.015</b>	<b>42.914.107.872</b>	<b>4.296.253.260</b>	<b>1.073.747.571</b>	<b>402.797.701</b>	<b>70.474.176.419</b>
Beginning balance	2.769.924.589	8.618.457.456	717.241.257	30.648.039	3.205.680	12.139.477.021
Depreciation during the year	-	1.877.413.795	-	176.053.960	-	2.053.467.755
<b>Ending balance</b>	<b>24.557.194.604</b>	<b>49.655.151.533</b>	<b>5.013.494.517</b>	<b>928.341.650</b>	<b>406.003.381</b>	<b>80.560.185.685</b>
<b>Carrying values</b>						
Beginning balance	23.899.492.217	53.713.003.442	3.154.299.070	179.970.532	-	80.946.765.261
<b>Ending balance</b>	<b>23.010.340.828</b>	<b>55.151.152.597</b>	<b>2.437.057.813</b>	<b>149.322.493</b>	<b>(3.205.680)</b>	<b>80.744.668.051</b>
<i>In which:</i>						
Assets temporarily not in use	-	-	-	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-	-

Some plants, machinery and equipment, of which the carrying values are VND 67.312.914.350, have been mortgaged to secure the Corporation's loans from Vietcombank – Ho Chi Minh City Branch, Agribank - Trang Bom North Dong Nai Branch, and Financing for Healthier Lives, DAC (see Notes No. V.19a and V.19b).

**9. Intangible fixed assets**

	<b>Computer software</b>
<b>Initial costs</b>	
Beginning balance	1.624.120.000
<b>Ending balance</b>	<b>1.624.120.000</b>
<i>In which:</i>	
Assets fully amortized but still in use	40.400.000
<b>Amortization</b>	
Beginning balance	673.888.000
Amortization during the year	316.744.000
<b>Ending balance</b>	<b>990.632.000</b>

**BACH TUYET COTTON CORPORATION**

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fourth quarter of the financial year ended December 31, 2025

Continued Notes to the Financial Statements

	<u>Computer software</u>
<b>Carrying values</b>	
Beginning balance	950.232.000
<b>Ending balance</b>	<u>633.488.000</u>
<i>In which:</i>	
Assets temporarily not in use	-
Assets waiting for liquidation	-

**10. Construction-in-progress**

VI. This item reflects expenses for acquisition of fixed assets. Details are as follows:

	<u>Năm trước</u>	<u>Năm nay</u>
Beginning balance	-	-
Increases during the year	6.806.092.681	19.443.087.091
Inclusion into fixed assets during the year	(3.382.008.819)	(9.382.815.536)
Inclusion into tools	(36.804.000)	(36.804.000)
<b>Ending balance</b>	<u>3.387.279.862</u>	<u>21.426.025.605</u>

**1. Investments in the subsidiary**

According to the Business Registration Certificate No. 0316867776 dated 20 May 2021, granted by Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment, the Corporation invests in Bach Tuyet Kotton Company Limited an amount of VND 10.000.000.000, equivalent to 100% of the charter capital.

*Giá trị hợp lý*

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

According to the Business Registration Certificate No. 0316867776 dated 20 May 2021, granted by Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment, the Corporation invests in Bach Tuyet Kotton Company Limited an amount of VND 10.000.000.000, equivalent to 100% of the charter capital.

*Fair value*

The Corporation has not measured the fair value of the investments because there is no specific instruction on measurement of fair value.

*Operation of the subsidiary*

Bach Tuyet Kotton Company Limited has been in normal operation. In 2024, the revenue and profit increased significantly thanks to the enhancement of sales on e-commerce platforms.

*Transactions with the subsidiary*

Transactions with Bach Tuyet Kotton Company Limited are as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Revenue from sales of merchandise	36.110.539.101	52.282.829.536
Income from support of delivery and warehouse storage	-	394.265.791
Trade discounts	-	-
Sales returns	4.613.406.990	375.104.519
Purchase of merchandise	-	-

**BACH TUYET COTTON CORPORATION**

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fourth quarter of the financial year ended December 31, 2025

Continued Notes to the Financial Statements

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Sales support	-	-
Support for marketing staff		1.190.438.212
<b>2. Short-term trade payables</b>		
	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Nhu Tue Trading Production Import Export Company Limited	-	-
Turkish Asia Tex Company Limited	-	-
Hy Lac Textile Trading Production Import Export Company Limited	-	3.843.454.020
Nhu Man Trading Production Import Export Company Limited		3.173.151.506
Other suppliers	6.659.545.208	7.268.166.356
<b>Cộng</b>	<u>6.659.545.208</u>	<u>14.284.771.882</u>

In which, the trade payables for acquisition of fixed assets are VND 637.041.709 VND (The Corporation has no overdue trade payables VND 2.245.943.336 ). The Corporation has no overdue trade payables

**3. Short-term advances from customers**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Bach Tuyet Kotton Company Limited (a related party)	14.328.320.303	1.014.119.512
Tan Phu Land Company Limited	9.000.000.000	9.000.000.000
Other customers	1.520.960.885	855.844.489
<b>Total</b>	<u>24.849.281.188</u>	<u>10.869.964.001</u>

**4. Taxes and other obligations to the State Budget**

	<u>Beginning balance</u>		<u>Increases during the year</u>		<u>Ending balance</u>	
	<u>Payables</u>	<u>Receivables</u>	<u>Amount payable</u>	<u>Amount paid</u>	<u>Payables</u>	<u>Receivables</u>
VAT on local sales	726.791.346	-	16.953.185.162	16.829.549.070	850.427.438	
VAT on imports	-	-	933.793.579	933.793.579	-	-
Corporate income tax	1.553.286.181	-	2.471.079.625	2.400.904.359	1.623.461.447	-
Personal income tax	-	224.119.084	1.189.675.744	1.362.451.610		396.894.950
Land rental	-	-	3.308.106.028	3.570.519.892		262.413.864
Other taxes	-	-	923.295.581	923.295.580	1	-
Fees, legal fees and other duties	27.191.541	-	308.638.414	309.657.747	26.172.208	-
<b>Total</b>	<u>2.307.269.068</u>	<u>224.119.084</u>	<u>26.087.774.133</u>	<u>26.330.171.837</u>	<u>2.500.061.094</u>	<u>659.308.814</u>

**Value added tax (VAT)**

The Corporation has paid VAT in accordance with the deduction method. The VAT rates applied are as follows:

- Medical cotton, bandage, gauze and medical masks	:	5%
- Cotton pad, cotton swab, other goods for local sales	:	10%

**BACH TUYET COTTON CORPORATION**

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fourth quarter of the financial year ended December 31, 2025

Continued Notes to the Financial Statements

From 01 January 2024 to 31 December 2024, the Corporation is entitled to the VAT rate of 8% for some goods and services according to the Government's Decrees No. 94/2023/ND-CP dated 28 December 2023 and No. 72/2024/NĐ-CP dated 30 June 2024 guiding the Resolutions No. 110/2023/QH15 dated 29 November 2023 and No. 142/2024/QH15 dated 29 June 2024 of the National Assembly.

**Corporate income tax**

The Corporation has to pay corporate income tax on taxable income at the rate of 20%.

Estimated corporate income tax payable is as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Total accounting profit before tax	18.342.671.071	18.052.850.828
Increases/(decreases) of accounting profit to determine profit subject to corporate income tax:		
- Increases	-	-
- Decreases	(669.868.726)	(5.286.419.922)
Income subject to tax	17.672.802.345	12.766.430.906
Income exempted from tax	-	-
Taxable income	12.766.430.906	12.766.430.906
Corporate income tax rate	20%	20%
<b>Corporate income tax payable</b>	<b><u>3.534.560.469</u></b>	<b><u>2.553.286.181</u></b>

Determination of corporate income tax liability of the Corporation is based on currently applicable regulations on tax. Nonetheless, these tax regulations may change from time to time and tax regulations applicable to variety of transactions can be interpreted differently. Hence, the tax amounts presented in the Financial Statements can be changed upon the inspection of tax authorities.

**Land rental**

Land rental is paid according to the notices of the tax department.

**Other taxes**

The Corporation has declared and paid these taxes in line with the prevailing regulations

**5. Payables to employees**

This item reflects salary and bonus to be paid to employees.

**6. Short-term accrued expenses**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Interest expenses	1.625.671.384	1.401.424.754
Other short-term accrued expenses	7.918.068.821	3.228.505.971
<b>Total</b>	<b><u>7.918.068.821</u></b>	<b><u>4.629.930.725</u></b>

**7. Other payables****7a. Other short-term payables**

**BACH TUYET COTTON CORPORATION**

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fourth quarter of the financial year ended December 31, 2025

Continued Notes to the Financial Statements

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Payables to related parties</i>	-	-
Compensation payable to the key managers	-	-
Bach Tuyet Kotton Company Limited – other payables	-	-
<i>Payables to other organizations and individuals</i>	<b>1.857.138.777</b>	<b>1.535.903.240</b>
Trade Union's expenditure	219.370.886	205.726.286
Mandara Investment Joint Stock Company – receipt of deposit for business cooperation contract performance	1.000.000.000	1.000.000.000
Other undefined payables existed for many years <sup>(i)</sup>	-	-
Other short-term payables	332.169.591	330.176.954
<b>Total</b>	<b><u>1.857.138.777</u></b>	<b><u>1.535.903.240</u></b>

**7b. Overdue debts**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Mandara Investment Joint Stock Company – deposit for business cooperation contract performance	1.000.000.000	1.000.000.000
Undefined payables existed for many years	-	-
<b>Total</b>	<b><u>1.000.000.000</u></b>	<b><u>1.000.000.000</u></b>

**7c. Borrowings****7d. Short-term borrowings**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Borrowing from Vietcombank – Ho Chi Minh City Branch <sup>(i)</sup>		39.738.760.152
Current portions of long-term borrowings (see Note No. V.19b)	1.277.410.608	4.000.000.000
<b>Total</b>	<b><u>1.277.410.608</u></b>	<b><u>43.738.760.152</u></b>

<sup>(i)</sup> The borrowing from Vietcombank – Ho Chi Minh City Branch is to supplement the working capital at the interest rate as specified in each borrowing acknowledgment. The maximum borrowing term is 6 months. This borrowings is secured by mortgaging the right to use land lots B52-53-54/I, Road 2E, Vinh Loc Industrial Park, Vinh Loc A Commune, Binh Chanh District, Ho Chi Minh City (see Note No. V.8b) and some tangible fixed assets under the ownership of the Corporation (see Note No. V.9).

The Corporation is solvent over short-term borrowings.

Details of increases/(decreases) of short-term borrowings are as follows:

	<u>Beginning balance</u>	<u>Increases during the year</u>	<u>Transfer from long-term loans</u>	<u>Amount repaid during the year</u>	<u>Ending balance</u>
<i>Current year</i>					
Short-term borrowings from banks	39.738.760.152	(166.854.016.749)	-	127.115.256.597	
Current portions of long-term borrowings	4.000.000.000	(20.000.000.000)	16.000.000.000	1.277.410.608	1.277.410.608

**BACH TUYET COTTON CORPORATION**

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fourth quarter of the financial year ended December 31, 2025

Continued Notes to the Financial Statements

	<u>Beginning balance</u>	<u>Increases during the year</u>	<u>Transfer from long-term loans</u>	<u>Amount repaid during the year</u>	<u>Ending balance</u>
<i>Current year</i>					
<b>Total</b>	<b>43.738.760.152</b>	<b>(186.854.016.749)</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>128.392.667.205</b>	<b>1.277.410.608</b>
<i>Previous year</i>					
Short-term borrowings from banks	29.247.894.316	63.362.393.252		(74.150.106.803)	18.460.180.765
Current portions of long-term borrowings	23.448.000.000		23.448.000.000	(11.880.000.000)	23.448.000.000
<b>Total</b>	<b>41.127.894.316</b>	<b>63.362.393.252</b>	<b>23.448.000.000</b>	<b>(86.030.106.803)</b>	<b>41.908.180.765</b>

**7e. Long-term borrowings**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Long-term borrowing from Agribank - Trang Bom North Dong Nai Branch <sup>(i)</sup>	16.000.000.000	
Borrowing from Financing for Healthier Lives, DAC <sup>(ii)</sup>	62.855.460.000	64.887.420.000
<b>Total</b>	<b>78.855.460.000</b>	<b>64.887.420.000</b>

(i)

(ii) The long-term borrowing from Agribank - Trang Bom North Dong Nai Branch is to supplement the working capital at the interest rate of 6%/year (applied for 12 months, starting from the disbursement date, and after this period, the interest rate shall be equal to the interest rate applied for normal loans as prescribed by the Bank). The borrowing term is 60 months. This borrowing is secured by mortgaging some tangible fixed assets, construction-in-progress (i.e. machinery and equipment) under the ownership of the Corporation (see Notes No. V.9 and V.11).

(iii) The borrowing from Financing for Healthier Lives, DAC is to meet the Corporation's capital needs for medical products and services under the business plan approved by the Board of Management. This borrowing is at the annual interest rate of 6-month USD LIBOR plus 5,8%/year. The borrowing term is 5 years. The borrowing amount is repaid according to the specific repayment schedule and the first repayment was made on 15 September 2023. This borrowing is secured by all rights, ownership and benefits of the Corporation incurred from the following properties regardless of whether they are or will be owned by the Corporation with the pre-tax purchase value recorded in the Contract and the actual payment in VND equivalent to USD 2,500,000.00 at the exchange rate ruling as at the disbursement date:

- All newly purchased properties and the rights, ownership, and benefits incurred to the newly purchased properties;
- All rights, ownership and benefits incurred under the Property Purchase Contract;
- Prepayment;
- All annually additional properties and all rights, ownership, and benefits incurred to these properties;
- All rights, benefits, compensation and other payments received or payable on behalf of, or in association with, or in relation to, and all properties of every nature and description given in exchange, in replacement of or in exchange for any of the above rights and properties.

As of the balance sheet date, this long-term borrowing is secured by:

**BACH TUYET COTTON CORPORATION**

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fourth quarter of the financial year ended December 31, 2025

Continued Notes to the Financial Statements

- Mortgaging some machinery and equipment at the Manufacturing Factory located at B52-B54/I, Road 2E, Vinh Loc Industrial Park, Vinh Loc A Commune, Binh Chanh District, Ho Chi Minh City (see Note No. V.9).
- Payment guarantees from Saigon 3 Group Investment Development Joint Stock Company and Sai Gon 3 Capital Investment Company Limited (see Note No. VII.1b).

The Corporation is solvent over long-term borrowings.

Repayment schedule of long-term borrowings is as follows:

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
1 year or less		4.000.000.000
More than 1 year to 5 years	<u>64.887.420.000</u>	<u>78.855.460.000</u>
<b>Total</b>	<u>64.887.420.000</u>	<u>82.855.460.000</u>

Details of increases/(decreases) of long-term borrowings are as follows

	<u>Beginning balance</u>	<u>Increases during the year</u>	<u>Increase due to revaluation of exchange difference</u>	<u>Amount repaid during the year</u>	<u>Transfer to short-term loans</u>	<u>Ending balance</u>
<i>Current year</i>						
Long-term borrowings from banks	16.000.000.000				(16.000.000.000)	
Long-term borrowings organizations	62.855.460.000		2.031.960.000			64.887.420.000
<b>Total</b>	<u>78.855.460.000</u>		<u>2.031.960.000</u>		<u>(16.000.000.000)</u>	<u>64.887.420.000</u>
<i>Previous year</i>						
Long-term borrowings organizations	106.920.000.000	-	2.633.400.000	(12.830.400.000)	(23.448.000.000)	73.275.000.000
<b>Total</b>	<u>106.920.000.000</u>	<u>-</u>	<u>2.633.400.000</u>	<u>(12.830.400.000)</u>	<u>(23.448.000.000)</u>	<u>73.275.000.000</u>

**7f. Overdue borrowings**

**VII.** The Corporation has no overdue borrowings.

**1. Provisions for short-term payables**

Provisions for short-term payables are related to provisions for severance allowance payable to employees.

**2. Owner's equity****2a. Statement of changes in owner's equity**

	<u>Owner's capital</u>	<u>Share premiums</u>	<u>Investment and development fund</u>	<u>Retained earnings</u>	<u>Total</u>
Beginning balance of the previous year	98.000.000.000	25.160.000.000	9.474.344.616	611.883.776	126.119.242.624
Profit in the previous year	-	-	-	(15.499.564.647)	7.126.985.768
<b>Ending balance of the previous year</b>	<u>98.000.000.000</u>	<u>25.160.000.000</u>	<u>9.474.344.616</u>	<u>(14.887.680.871)</u>	<u>133.246.228.392</u>

**BACH TUYET COTTON CORPORATION**

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fourth quarter of the financial year ended December 31, 2025

Continued Notes to the Financial Statements

	<u>Owner's capital</u>	<u>Share premiums</u>	<u>Investment and development fund</u>	<u>Retained earnings</u>	<u>Total</u>
Beginning balance of the current year	98.000.000.000	25.160.000.000	9.474.344.616	16.111.448.423	133.246.228.392
Profit in the current year	98.000.000.000	(348.150.000)	-	10.967.495.717	148.745.793.039
<b>Ending balance of the current year</b>	<b>196.000.000.000</b>	<b>24.811.850.000</b>	<b>9.474.344.616</b>	<b>27.078.944.140</b>	<b>257.365.138.756</b>

**2b. Details of owner's capital**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Sai Gon 3 Capital Investment Company Limited	39.892.790.000	39.892.790.000
Thanhcong Securities Company	9.338.000.000	9.338.000.000
Other shareholders	146.769.210.000	48.769.210.000
<b>Total</b>	<b>196.000.000.000</b>	<b>98.000.000.000</b>

**2c. Shares**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Number of shares registered to be issued	9.800.000	9.800.000
Number of shares sold to the public	9.800.000	9.800.000
- Common shares	9.800.000	9.800.000
- Preferred shares	-	-
Number of shares repurchased	-	-
- Common shares	-	-
- Preferred shares	-	-
Number of outstanding shares	19.600.000	9.800.000
- Common shares	19.600.000	9.800.000
- Preferred shares	-	-

Face value per outstanding share: VND 10.000.

**22. Off-balance sheet items****Treated doubtful debts**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Other undefined advances, receivables		2.200.718.672
Undefined trade receivables		1.134.256.732
Receivables from other organizations and individuals		162.595.984
<b>Total</b>		<b>3.497.571.388</b>

The above-mentioned debts have been written off due to being irrecoverable

**VIII. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE INCOME STATEMENT****1. Revenue from sales of goods and provisions of services****1a. Gross revenue**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
--	---------------------	----------------------

**BACH TUYET COTTON CORPORATION**

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fourth quarter of the financial year ended December 31, 2025

Continued Notes to the Financial Statements

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Revenue from sales of finished goods	273.733.709.509	202.375.567.048
Revenue from provisions of services	227.604.031	235.281.531
<b>Total</b>	<b><u>273.961.313.540</u></b>	<b><u>202.610.848.579</u></b>
 <i>1b. Revenue from sales of goods and provisions of services to related parties</i>		
Apart from sales of goods and service provisions to the subsidiary presented in Note No. V.12, the Corporation has the following sales of goods to other related parties		
	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Saigon 3 Garment Joint Stock Company	231.126.094	164.927.144
Ho Chi Minh City Medical Import Export Joint	6.743.600	
Saigon 3 Jean Company Limited	1.571.450	
<b>Total</b>	<b><u>239.441.144</u></b>	<b><u>164.927.144</u></b>
 <b>2. Revenue deductions</b>		
	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Trade discounts	18.847.157.615	14.485.539.746
Sales returns	7.322.242.878	1.458.147.516
<b>Total</b>	<b><u>26.169.400.493</u></b>	<b><u>15.943.687.262</u></b>
 <b>3. Costs of sales</b>		
	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Costs of finished goods sold	156.666.914.730	127.882.757.610
Allowance for devaluation of inventories		1.093.633.976
<b>Total</b>	<b><u>156.666.914.730</u></b>	<b><u>128.976.391.586</u></b>
 <b>4. Financial income</b>		
	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Bank deposit interest	100.304.455	20.024.572
Loan interest	15.511.408.378	13.800.550.300
Gain from sale of securities	-	-
Dividends received	-	-
Exchange gain arising		5.040.000
Other financial income	-	-
<b>Total</b>	<b><u>15.611.712.833</u></b>	<b><u>13.825.614.872</u></b>
 <b>5. Financial expenses</b>		
	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Interest expenses	10.859.319.518	11.354.886.887
Reversal of provisions for devaluation of trading securities and investment loss	2.031.960.000	-
Loss from sale of securities	5.265.000	-
Exchange loss arising	-	669.926.469
Exchange loss due to the revaluation of monetary items in foreign currencies	12.896.544.518	2.769.960.000
<b>Total</b>	<b><u>10.859.319.518</u></b>	<b><u>14.794.773.356</u></b>



**BACH TUYET COTTON CORPORATION**

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fourth quarter of the financial year ended December 31, 2025

Continued Notes to the Financial Statements

**6. Selling expenses**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Expenses for employees	11.103.759.538	8.795.043.546
Materials, packages	3.295.419.782	-
Tools, supplies	357.851.480	50.158.028
Depreciation/(amortization) of fixed assets	916.435.058	892.323.908
Expenses for external services	20.501.953.038	2.473.840.224
Sales support	2.863.560.178	3.700.048.020
Other expenses	6.456.016.296	
<b>Total</b>	<u>8.336.025</u>	<u>1.055.366.912</u>
Expenses for employees	<u>45.503.331.395</u>	<u>16.966.780.638</u>

**7. General and administration expenses**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Expenses for employees	20.132.715.102	18.248.173.834
Office stationery	775.538.194	191.666.549
Depreciation/(amortization) of fixed assets	1.149.596.529	1.233.618.823
Tax, fees and legal fees	581.586.646	693.139.447
Allowance for doubtful debts	401.525.730	1.073.918.555
Expenses for external services	383.138.217	2.573.987.277
Other expenses	6.393.644.041	3.286.287.378
<b>Total</b>	<u>29.817.744.459</u>	<u>27.300.791.863</u>

T.C.P \* NH

M.S.D.N.02  
BON  
THANH

**BACH TUYET COTTON CORPORATION**

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fourth quarter of the financial year ended December 31, 2025

Continued Notes to the Financial Statements

**8. Other income**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Proceeds from disposal of tools	129.308.012	-
Income from writing off undefined payables existed for many years <sup>(i)</sup>	183.316	6.049.893.074
Other income	28.023.328	61.483.099
<b>Total</b>	<b><u>157.514.656</u></b>	<b><u>6.111.376.173</u></b>

<sup>(i)</sup> This is the income from writing off other undefined payables existed for many years (see Note No. V.18a).

**9. Other expenses**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Fines for late payment and administrative violations	-	-
Writing off the unrecoverable bonus for extra profit <sup>(i)</sup>	-	468.000.000
Other expenses	333.934.363	44.564.091
<b>Total</b>	<b><u>333.934.363</u></b>	<b><u>512.564.091</u></b>

<sup>(i)</sup> This is the expenses for writing off the bonus for extra profit of 2016 that is unrecoverable (see Note No. V.5a).

**10. Earnings per share**

Information on earnings per share is presented in the Consolidated Financial Statements.

**11. Operating costs by factors**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Materials and supplies	234.887.966.126	182.244.687.638
Labor costs	20.786.851.722	52.937.860.582
Depreciation/(amortization) of fixed assets	12.456.844.448	10.740.326.524
Expenses for external services	-	6.125.297.521
Other expenses	37.065.539.400	20.634.515.520
<b>Total</b>	<b><u>305.197.201.696</u></b>	<b><u>272.682.687.785</u></b>

**IX. OTHER DISCLOSURES****1. Transactions and balances with related parties**

The related parties of the Corporation include the key managers, their related individuals and other related parties.

**1a. Transactions and balances with the key managers and their related individuals**

The key managers include the Board of Management and the Executive Board (the Board of Directors and the Chief Accountant). The key managers' related individuals are their close family members.

*Transactions with the key managers and their related individuals*

The Corporation has no sales of goods and service provisions and no other transactions with the key managers and their related individuals.

**BACH TUYET COTTON CORPORATION**

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

**FINANCIAL STATEMENTS**

For the fourth quarter of the financial year ended December 31, 2025

Continued Notes to the Financial Statements

*Receivables from and payables to the key managers and their related individuals*

The Corporation has no receivables from and payables to the key managers and their related individuals.

*Remuneration of the key managers and the Supervisory Board*

	<u>Salary</u>	<u>Compensation</u>	<u>Total remuneration</u>
<i>Current year</i>			
Executive Board	2.575.000.000	45.800.000	2.620.800.000
<b>Total</b>	<b>1.980.000.000</b>	<b>45.800.000</b>	<b>2.620.800.000</b>
<i>Previous year</i>			
Executive Board	1.980.000.000	-	1.980.000.000
<b>Total</b>	<b>1.980.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.980.000.000</b>

**1b. Transactions and balances with other related parties**

Other related parties of the Corporation include:

<b>Other related parties</b>	<b>Relationship</b>
Saigon 3 Group Investment Development Joint Stock Company	Ultimate Parent Company
Sai Gon 3 Capital Investment Company Limited	Parent Company
Saigon 3 Garment Joint Stock Company	Subsidiary of Ultimate Parent Company
Saigon Leather Joint Stock Company	Subsidiary of Ultimate Parent Company
Saigon 3 Jean Co., Ltd.	Subsidiary of Saigon 3 Garment Joint Stock Company
Ho Chi Minh City Medical Import Export Joint Stock Company	Associate of Ultimate Parent Company
Thanhcong Securities Company	Subsidiary of Sai Gon 3 Capital Investment Company Limited
Thanh Cong Asset Management Company Limited	Subsidiary of Thanhcong Securities Company
Thanh Cong Investment Fund	Subsidiary of Thanhcong Securities Company
Bach Tuyet Kotton Company Limited	Subsidiary

## BACH TUYET COTTON CORPORATION

Address: No. 550 Au Co Street, Ward Bay Hien, Ho Chi Minh City

### FINANCIAL STATEMENTS

For the fourth quarter of the financial year ended December 31, 2025

Continued Notes to the Financial Statements

#### *Transactions with other related parties*

Apart from transactions with the subsidiary presented in Note No. V.12 and sales of goods and service provisions to other related parties which are not its subsidiaries presented in Note No. VI.1b, the Corporation has the following transactions with other related parties:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Saigon Leather Joint Stock Company		
Loan given	99.000.000.000	
Interest on loan given	3.213.315.068	10.777.890.411

#### *Ho Chi Minh City Medical Import Export Joint Stock Company*

Trade discounts	2.103.105	-
-----------------	-----------	---

#### *Guarantee commitment*

Saigon 3 Group Investment Development Joint Stock Company and Sai Gon 3 Capital Investment Company Limited have committed to provide absolute, unconditional, and irrevocable payment guarantees for the Corporation's long-term borrowing from Financing for Healthier Lives, DAC (see Note No. V.19b).

#### *Receivables from and payables to other related parties*

Receivables from and payables to other related parties are presented in Notes No. V.2, V.4a, V.5a, V.14 and V.18a.

The receivables from other related parties are unsecured and will be paid in cash. No allowances have been made for the receivables from other related parties.

## 2. Segment information

Principal business activities of the Corporation are to manufacture and trade medical bandage, gauze, cotton, medical masks and cotton swab of all kinds and other products from cotton. The Corporation's products are not exposed to various categories of risks and are mainly consumed in Vietnam. Revenue from these products accounts for more than 99% of gross revenue.

Accordingly, the Board of Directors evaluates and believes that no segment reporting as a part of the Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024 is in conformity with the Vietnamese Accounting Standard No. 28 "Segment reporting" and the Corporation's current business.

## 3. Subsequent events

There are no material subsequent events which are required adjustments or disclosures in the Financial Statements.



**Thieu Thi Cam Tu**  
Chief Accountant/Preparer



Ho Chi Minh City, January 30, 2026

**Nguyen Khanh Linh**  
General Director